

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG
Số: 655/BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Mang Yang, ngày 10 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2020,
TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2021

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2020:

Thực hiện Nghị quyết số: 10-NQ/HU ngày 18/12/2019 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Mang Yang (Khóa XVI) về chi tiêu, nhiệm vụ công tác năm 2020; Nghị quyết số: 90/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 của HĐND huyện tại kỳ họp thứ Mười, HĐND huyện Khóa IV về kế hoạch phát triển KT-XH, đảm bảo an ninh, quốc phòng năm 2020; được sự quan tâm chỉ đạo của UBND tỉnh, các Sở ngành của tỉnh, sự lãnh đạo của Huyện ủy, sự nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành và nhân dân trong huyện, tình hình kinh tế, xã hội đạt được kết quả khả quan trên các lĩnh vực, Quốc phòng - An ninh được giữ vững.

1. Kinh tế:

1.1. Nông nghiệp.

Tổng diện tích gieo trồng cả năm 2020 của toàn huyện là: **11.071/10.557 ha**, đạt 104,87% so với kế hoạch 2020¹. Trong đó: vụ Đông - Xuân đạt 1.234,5/1.210 ha, đạt 102,2% kế hoạch, vụ Mùa **9.836,5/9.347 ha, đạt 105,24 %** kế hoạch.

Vụ Đông Xuân 2019 - 2020, huyện đã chuyển đổi được 51,5²/75 ha cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác, đạt 68,7% kế hoạch.

Năm 2020 toàn huyện có 82,9 ha cà phê trồng tái canh³ tại các xã Đak Ta Ley, Hra, Đăk Ya, Đăk Djrăng. Hiện đã cấp phát xong 21.300 cây cà phê giống/18 ha. Xây dựng kế hoạch đăng ký nhu cầu tái canh cà phê giai đoạn 2021 - 2025⁴.

Do ảnh hưởng của hạn hán kéo dài, toàn huyện bị thiệt hại khoảng 585,64ha với tổng giá trị thiệt hại khoảng 1.328,6 triệu đồng⁵.

¹ Lúa cả năm: 4.302/4.285 ha đạt 100,4% KH; Bắp: 459,5/440 ha đạt 104,43% KH; Cây Sắn 4503/4300 ha đạt 104,72% KH; Cây đậu: Đậu các loại: 111/100 ha, đạt 111% KH; Cây rau: 449/320 ha, đạt 104,3% KH; Khoai lang: 61/40 ha đạt 152,5% KH; Cây Lạc: 94/70 ha đạt 134,29% KH; Gừng: 52ha; cây Dâu Tằm: 36,5 ha; Cây hàng năm khác: Cỏ chăn nuôi, hoa, cây cảnh,...: 358,5ha. Cà phê trồng tái canh: 82,9/30 ha đạt 276,35% KH; Cà phê trồng mới: 107,6 ha; Tiêu trồng mới: 17 ha; Cây chanh dây: 364 ha; Cây ăn quả (TM): 71ha.

² Mỳ 45 ha, ngô 6,5 ha

³ người dân tự trồng tái canh là 64,9 ha và Đề án tái canh (được Nhà nước hỗ trợ cây giống là 18 ha)

⁴ Hiện chỉ có xã Hra đăng ký là 43 ha.

Do ảnh hưởng của các cơn bão, trên địa bàn huyện thiệt hại về nông lâm nghiệp, chăn nuôi, giao thông, nhà cửa với tổng thiệt hại khoảng 27.203,28 triệu đồng⁶, UBND huyện đã lập tờ trình đề nghị UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, Ban chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh xem xét đề xuất các cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để tạo điều kiện cho nhân dân khôi phục sản xuất và cơ sở hạ tầng, với tổng kinh phí đề xuất là 11.754,85 triệu đồng.

Chăn nuôi: Toàn huyện có 159 con lợn bị nhiễm dịch tả lợn Châu Phi tại 02 xã Đăk Djrăng và Đăk Yă, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp các địa phương liên quan tổ chức tiêu hủy 5.222 kg⁷.

Nông thôn mới: Ngày 03/02/2020, UBND tỉnh Gia Lai Ban hành Quyết định số: 120/QĐ-UBND về việc công nhận xã Ayun, huyện Mang Yang đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2019, đến nay trên địa bàn huyện có 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới. UBND huyện công nhận làng Đăk Trôk, xã Đăk Yă và làng Đê Kjêng, xã Ayun đạt chuẩn nông thôn mới. Ban hành Quyết định phê duyệt làng Nông thôn mới cho 11/12 xã, thị trấn. Hoàn thiện hồ sơ đạt 19/19/tiêu chí đề nghị công nhận xã đạt chuẩn Nông thôn mới 2020 (xã Đăk Ta Ley) và làng đạt chuẩn làng NTM trong vùng ĐBDTTS năm 2020 (làng Chrong II, xã Đăk Ta Ley và làng Kơ Tu Dong, xã Hra).

- Về các dự án phát triển sản xuất liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm: Tiếp tục triển khai thực hiện 3 chuỗi liên kết sản xuất: chuỗi liên kết chanh dây, chuỗi liên kết lúa HT1, chuỗi liên kết lúa Ba Chăm. Đối với chuỗi liên kết chanh dây đang bồ sung nguồn vốn, diện tích, hộ sản xuất mở rộng quy mô triển khai thực hiện hoàn thành năm 2020 (tăng thêm 172 hộ, diện tích 47,6 ha tại 2 xã Đăk Ta ley và H'ra). Tổ chức 02 hội thảo liên kết chuỗi liên kết sản xuất⁸. Tổ chức hội thảo chuyên đề về Dự án bảo hộ chỉ dẫn địa lý huyện Mang Yang cho sản phẩm gạo Ba Chăm.

- Về OCOP: Tổ chức đánh giá, phân hạng 06 sản phẩm OCOP 2020⁹. Hội đồng đánh giá OCOP huyện thống nhất đề nghị 6 sản phẩm trên được dự thi tại cấp tỉnh năm 2020. Đến nay tỉnh đã đánh giá đạt 6/6 sản phẩm, đạt 100%.

⁵ Lúa mùa: diện tích thiệt hại: 96,57ha, ước giá trị thiệt hại: 264,5 triệu đồng; Hoa, rau màu: diện tích thiệt hại: 0,6ha, ước tính giá trị thiệt hại: 2,4 triệu đồng; Cây cà phê: diện tích thiệt hại: 117,92 ha, ước giá trị thiệt hại: 422,8 triệu đồng; Cây Mỳ: diện tích thiệt hại: 172,68 ha, ước giá trị thiệt hại: 447,9 triệu đồng; Cây Ngô: diện tích thiệt hại: 1,3 ha, ước tính giá trị thiệt hại: 5,1 triệu đồng; Cây hồ tiêu: diện tích thiệt hại: 25,2 ha, ước giá trị thiệt hại: 183,2 triệu đồng; Cây ăn quả: diện tích thiệt hại: 0,4 ha, ước tính giá trị thiệt hại: 2,8 triệu đồng.

⁶ Từ ngày 1/10 đến ngày 29/10/2020, do ảnh hưởng của cơn bão số 6, 7, 8, 9 dẫn đến một số thiệt hại, ước tổng thiệt hại 25.033,78 triệu đồng. Từ ngày 9/11/2020 đến 13/11/2020 trên địa bàn xảy ra tình trạng mưa, lũ do ảnh hưởng của cơn bão số 12 dẫn đến một số thiệt hại khoảng 2.169,5 triệu đồng.

⁷ Trên địa bàn xã Đăk Djrăng đã tái phát dịch tả lợn châu phi lần 3 xảy ra ở làng Đê Tur từ ngày 11/12/2019- 07/01/2020 với tổng số con bị bệnh là 123 con/3.723 kg; Xã Đăk Yă xuất hiện dịch tả lợn Châu Phi vào ngày 04/01/2020 với tổng số con bị bệnh là 14 con/612 kg; Kho 896, xã Đăk Djrăng từ ngày 13/02/2020 với tổng số con bị bệnh là 22 con/887 kg.

⁸ Chuỗi liên kết cây dược liệu; chuỗi liên kết rau, quả.

⁹ Sản phẩm tinh dầu Màng tang nguyên chất, đạt 54,14 điểm, xếp hạng 3 sao; sản phẩm tinh dầu Màng tang xịt phòng đạt 51,43 điểm, xếp hạng 3 sao; sản phẩm Muối Sả đạt 52,71 điểm, xếp hạng 3 sao; sản phẩm Tiêu hữu cơ Linh

1.2. Địa chính - Môi trường - GPMB.

Trong năm 2020, UBND huyện cấp 228 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Chuyển mục đích sử dụng đất: 44 hồ sơ với tổng diện tích: 5.200,0 m² và thực hiện các thủ tục giao đất, thu hồi đất theo quy định của pháp luật¹⁰.

Hoàn thiện Kế hoạch sử dụng đất huyện Mang Yang năm 2020. Phối hợp cùng Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan kiểm tra thực tế và bàn giao đất quốc phòng tại xã Kon Thụp cho Quân Đoàn 3. Tiếp tục xây dựng phương án sử dụng quỹ đất Công ty chè Ayun được UBND tỉnh thu hồi giao địa phương quản lý để lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Hoàn thiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn huyện. Kiểm tra thực tế khu vực đề nghị giao đất cho BCHQS huyện xây dựng hệ thống thao trường bắn, thao trường huấn luyện. Phối hợp cùng Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị liên quan và UBND xã Kon Thụp kiểm tra khu vực dự kiến xây dựng trạm hạm F40 tại xã Kon Thụp.

Triển khai phương án hỗ trợ, đền bù các công trình xây dựng trên địa bàn huyện năm 2020 theo kế hoạch¹¹. Thông báo thu hồi đất xây dựng 03 công trình¹² và ban hành Thông báo nhận tiền hỗ trợ, đền bù – GPMB cho 02 hộ thuộc công trình quy hoạch giãn dân, tách hộ làng Đê Hle, thị trấn Kon Dơng¹³. Tiến hành kê khai, kiểm đếm thực tế tại khu vực thực hiện dự án khu di dân tự do huyện Mang Yang tại làng Dơ Nâu, xã Kon Thụp.

Tăng cường các biện pháp để kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn nhân dân, hộ chăn nuôi khắc phục các tồn tại về môi trường. Qua kiểm tra đã yêu cầu xử phạt 01 trường hợp vi phạm công tác bảo vệ môi trường (chăn nuôi heo) với số tiền 35.000.000 đồng.

Nham đạt 67,29 điểm, xếp hạng 3 sao. Sản phẩm chanh dây sấy dẻo, đạt 58,14 điểm, xếp hạng 3 sao; sản phẩm trà sả thảo được đạt 56 điểm, xếp hạng 3 sao;

¹⁰ Quyết định giao đất tái định cư, hình thức: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá với 04 cá nhân với tổng diện tích 796,5 m². Quyết định giao đất và cấp QCNQSDĐ cho cộng đồng dân cư làng Klah, xã Kon Chiêng để chăm sóc và hưởng lợi từ rừng sản xuất với Tổng diện tích 4.000.000 m². Giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá QSDĐ tại xã Đăk Djerang và xã Đăk Ta Ley (82 lô, tổng diện tích 22.815,0 m²). Quyết định cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất 02 trường hợp (diện tích: 7.073,0 m²). Quyết định thu hồi đất đối với 02 trường hợp tự nguyện trả lại đất (tổng diện tích: 307,9 m²) và thu hồi đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 hộ được giao đất nhưng không xây dựng được nhà ở tại thị trấn Kon Dơng (tổng diện tích 383,5 m²); thu hồi đất của 03 trường hợp để xây dựng công trình: Đường nội thị huyện Mang Yang (bổ sung, tổng diện tích: 185,0 m²) và 01 trường hợp thu hồi để xây dựng công trình: Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện (Diện tích: 1.815,8 m²).

¹¹ Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Mang Yang. Khu tái định cư các trường hợp làm nhà, lều quán tại khu vực rừng thông thuộc thôn Nhơn Tân, xã Đăk Ta Ley (Các hộ dân đã thông nhất số liệu thông qua); Phương án quản lý, sử dụng diện tích đất đưa ra ngoài quy hoạch lâm nghiệp của xã Đăk Trôi;

¹² (1) Sân vận động xã Đăk Trôi, (2) Nhà văn hóa và khu thể thao xã Kon Chiêng, (3) cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố của tỉnh Gia Lai – Khu vực huyện Mang Yang (Dự án KfW 3.1).

¹³ hộ ông Trần Văn Dũng và hộ ông Đào Văn Nội

Bổ sung các điểm mỏ tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh và đề xuất Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2020. Kiểm tra tình hình khai thác khoáng sản trên địa bàn qua đó xử phạt 09 trường hợp với số tiền 33,9 triệu đồng, tịch thu sung quỹ Nhà nước 830 m³ cát xây dựng¹⁴, tịch thu sung quỹ nhà nước của 02 trường hợp không xác định được người vi phạm 400 m³ cát xây dựng. Giao Hội đồng định giá – BĐG huyện tổ chức bán đấu giá số cát tịch thu với số tiền 62 triệu đồng. Xác nhận 03 bản Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án và cơ sở sản xuất kinh doanh.

1.3. Quy hoạch - Giao thông - Thương mại - Khoa học công nghệ:

Tổ chức Chợ hoa Tết Canh Tý năm 2020 đúng theo kế hoạch đã được phê duyệt để cán bộ, chiến sỹ và nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện có dịp thăm quan, mua sắm hoa, cây cảnh để vui Xuân đón Tết Canh Tý năm 2020.

Chi đạo phòng Kinh tế & Hạ tầng phối hợp với UBND thị trấn Kon Dơng tiến hành khảo sát, lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Kon Dơng và làm các thủ tục mở rộng Cụm Công nghiệp - TTCN huyện Mang Yang nhằm đáp ứng nhu cầu cho các nhà đầu tư. Trong năm đã cấp 87 Giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn

Triển khai thực hiện điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới các xã Kon Chiêng, Đak Ta Ley, Kon Thụp, Đak Trôi, Ayun, H'ra, Đak Jơ Ta, Đak Djrăng.

Chi đạo các ngành chức năng tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các trường hợp thu gom, tăng giá bất hợp lý trang thiết bị y tế, bảo vệ sức khỏe dùng cho việc phòng bệnh trong đó chủ yếu là khẩu trang, nước sát trùng và găng tay y tế¹⁵.

Thực hiện Dự án nuôi hươu lấy nhung thuộc dự án Khoa học công nghệ năm 2020 tại thị trấn Kon Dơng, xã Đak Jơ Ta, xã Ayun.

Tổ chức kiểm tra, phát hiện, xử lý các hiện tượng thu gom, tăng giá bất hợp lý trang thiết bị y tế, bảo vệ sức khỏe dùng cho việc phòng bệnh trong đó chủ yếu là khẩu trang, nước sát trùng và găng tay y tế. Kiểm tra các hộ kinh doanh tạp hóa tại khối 3, xã Kon Chiêng, kiểm tra các cơ sở buôn bán bánh trung thu để đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng.

1.4. Xây dựng cơ bản:

Năm 2020, trên địa bàn huyện đầu tư xây dựng **80** công trình, trong đó: BQL dự án ĐTXD huyện làm chủ đầu tư 12 công trình¹⁶, đến nay tiến độ thi công đạt

¹⁴ Các cơ quan của huyện phát hiện, xử phạt 30 triệu đồng, tịch thu 420m² (Ayun 150 m³, xã Đak Jơ Ta 250 m³, xã Đak Ta Ley 20m³); các xã xử phạt 3,9 triệu, tịch thu 10m² xã

¹⁵ Qua kiểm tra, trên địa bàn huyện chưa phát hiện vi phạm

¹⁶ 07 công trình thi công mới (Trụ sở làm việc xã Lơ Pang, huyện Mang Yang; Trường tiểu học Lơ Pang, huyện Mang Yang; Trường Mẫu giáo xã Đak Ta Ley, huyện Mang Yang; Nâng cấp, cải tạo sân đường nội bộ, công hàng rào khu trung tâm hành chính, cải tạo nhà làm việc khối UBND huyện Mang Yang; Cải tạo Nhà văn hóa đa năng, sân vận động huyện Mang Yang; Trường TH&THCS Đak Ta Ley; Đường vào vườn quốc gia Kon Ka Kinh); 02 công trình trong quá trình lập thủ tục điều chỉnh, mở rộng (Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp – TTCN (mở rộng) huyện; Điều chỉnh Quy hoạch cục bộ thị trấn Kon Dơng và quy hoạch chi tiết một số khu vực.); 01 công trình chuyển tiếp thi công sang năm

91,43%, tiến độ giải ngân đạt 88,07%. Các công trình do BQL Chương trình MTQG các xã làm chủ đầu tư 68 công trình (*Vốn chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (chương trình 135)*): 20 công trình¹⁷, tiến độ thi công đạt 93,64%, tiến độ giải ngân đạt 75,57%; chương trình Nông thôn mới: 48 công trình¹⁸, tiến độ thi công đạt 92,33%, tiến độ giải ngân đạt 80,34%).

Thực hiện công tác thẩm định hồ sơ dự toán xây dựng công trình, báo cáo kinh tế - kĩ thuật (116 hồ sơ) và kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng (51 công trình).

1.5. Công tác Tài chính - Thuế: Tính đến ngày 30/11/2020:

Ước tổng thu NSNN trên địa bàn được 392.697 triệu đồng, đạt 123% KH. Ước thực hiện năm 2020: 397.272 triệu đồng, đạt 125% KH Trong đó chủ yếu thu bổ sung ngân sách cấp trên được 339.619 triệu đồng, đạt 117% KH.

Ước tổng chi NSNN trên địa bàn được 311.884 triệu đồng, đạt 98% KH. Ước thực hiện năm 2020: 378.116 triệu đồng, đạt 119% KH. Trong đó: Chi thường xuyên: 192.374 triệu đồng, đạt 66% KH; chi đầu tư phát triển 30.843 triệu đồng, đạt 153% KH.

Nhìn chung, công tác thu, chi trong năm 2020 cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

Công tác thuế: Tính đến ngày 25/11/2020, Chi Cục thuế đã thu được: 29.394,8 triệu đồng, đạt 119,5% KH pháp lệnh. Trong đó, thu tiền sử dụng đất được 11.864,7 triệu đồng, đạt 152,1 % KH pháp lệnh; Thu thuế, phí, lệ phí các loại được 17.530 triệu đồng, đạt 104,3% KH.

1.6. Tình hình phát triển doanh nghiệp, Hợp tác xã:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thành lập Doanh nghiệp, HTX theo chỉ tiêu, kế hoạch. Trên địa bàn huyện thành lập mới 23 doanh nghiệp¹⁹, đạt 460% KH và 04 HTX²⁰, đạt 133% KH, đến nay toàn huyện có 80 doanh nghiệp và 14 HTX đang hoạt động.

2. Văn hóa - Xã hội:

2.1. Giáo dục:

2020 (Trạm y tế xã Lơ Pang và xã H'Ra, huyện Mang Yang); 02 công trình chưa hoàn thành so với kế hoạch giao năm 2019 xin chuyển nguồn sang năm 2020 (Đường từ tinh lộ 666 đi làng Pyầu, xã Lơ Pang; Đường nội thị huyện Mang Yang).

¹⁷ 19 công trình khởi công mới, 01 công trình xin chuyển nguồn sang năm 2020

¹⁸ 36 công trình khởi công mới năm 2020, 05 công trình chuyển tiếp, 07 công trình bố trí trả nợ năm 2020

¹⁹ Cty TNHH MTV SGIALAI; Công ty TNHH MTV Hồng Nhụng Gia Lai; Công ty TNHH ENMART; Công ty TNHH MTV TM - DV Năm Thành Gia Lai; Công ty TNHH MTV Linh Bình Gia Lai; Công ty TNHH Nông nghiệp Tân Lộc Phát; Doanh nghiệp Tư nhân vành Quang Bích; Công ty TNHH MTV Toàn Tiến Gia Lai; Công ty TNHH MTV Khoáng sản Dương Phong Trang; Công ty TNHH MTV Năng lượng xanh Quang Hải.

²⁰ HTX nông nghiệp, DV Linh Nham, HTX nông lâm nghiệp, dịch vụ Dak Trôi và HTX Dược liệu Mang Yang.

Năm học 2020-2021, toàn huyện có 39 đơn vị trường học với 599 lớp, 19.126 học sinh²¹. Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia được huyện quan tâm, đầu tư xây dựng đúng lộ trình. Đến ngày 25/11/2020, toàn huyện 19/39 trường học đạt chuẩn quốc gia, đạt tỉ lệ 48,7%; Phần đầu đến hết năm 2020, đề nghị công nhận thêm 03 trường đạt chuẩn quốc gia²².

Duy trì tốt kết quả phổ cập ở 3 bậc học (Mầm non, Tiểu học, THCS)²³. Chỉ đạo các đơn vị trường học duy trì sỹ số học sinh. Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi theo các bậc: mẫu giáo: đạt 74,5%; tiểu học: đạt 93,5%; trung học cơ sở: đạt 90,2%.

Công tác nâng cao chất lượng giáo dục được chú trọng, huyện quan tâm bồi dưỡng Đội tuyển học sinh giỏi lớp 9 tham gia thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh đạt 12 giải²⁴; Tỉ lệ tốt nghiệp THCS đạt 99,6%; THPT đạt 99,7 %.

2.2. Văn hóa - Thông tin - Thể dục thể thao:

Tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị của địa phương²⁵. Xây dựng kế hoạch tập luyện và tham gia các hội thi do tỉnh tổ chức²⁶. Tổ chức Giải bóng đá truyền thống huyện Mang Yang lần thứ XII (mở rộng) năm 2020 với 13 đội tham dự²⁷.

Cổng Thông tin điện tử huyện tiếp nhận và duyệt 289 tin, bài; đăng tải 179 văn bản, 73 thông báo. Cập nhật 172 thủ tục hành chính cấp xã, 318 thủ tục hành chính cấp huyện trên cổng TTĐT huyện.

Thực hiện 148 chương trình phát thanh địa phương²⁸ và 11 chuyên trang phát thanh, 11 chuyên trang truyền hình phát trên sóng Đài tỉnh. Tham gia Liên hoan Phát thanh - Truyền hình tỉnh Gia Lai lần thứ X - năm 2020 với 03 tác phẩm dự thi²⁹.

²¹ Trực thuộc Phòng GD&ĐT có 37 đơn vị trường học với 556 lớp, 17.181 học sinh.

²² Trường Mẫu giáo Đak Ta Ley, Tiểu học H'ra số 1 và trường TH&THCS Đak Trôi

²³ Kết quả: 12 xã, thị trấn đạt phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở năm 2019 và duy trì tỉ lệ đạt chuẩn năm 2020 chuẩn bị kiểm tra tái công nhận trong tháng 12/2020

²⁴ 03 giải Ba, 09 giải khuyến khích

²⁵ Tuyên truyền Tết Nguyên đán Canh Tý 2020, tuyên truyền kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 – 03/02/2020); 45 năm Ngày Giải phóng tỉnh Gia Lai (17/3/1975 – 17/3/2020); 45 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 – 30/4/2020); Kỷ niệm 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 – 19/5/2020); Đại hội Đại biểu các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Tuyên truyền Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Mang Yang lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020 – 2025; Tuyên truyền Kỷ niệm 75 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2/9/1945 – 2/9/2020); Tuyên truyền Kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng bộ huyện (20/10/1950 – 20/10/2020), 20 năm thành lập huyện Mang Yang (22/10/2000 – 22/10/2020); Tuyên truyền phòng chống dịch bệnh Covid-19, bệnh Bạch hầu

²⁶ Hội thi tham gia hội thao Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Gia Lai năm 2020 với 2 môn: Bóng chuyền nam, kéo co. Hội thi Thể thao các dân tộc thiểu số tỉnh Gia Lai năm 2020 với 04 môn: Bóng đá mini, đẩy gậy nam, việt dã nam, bắn nô nam – nữ

²⁷ Kết quả: Giải nhất đội xã Đak Yă, giải nhì đội Công an huyện, giải ba đội thị trấn Kon Dơng I và giải phong cách đội thị trấn Kon Dơng 2.

²⁸ bao gồm 968 tin, 145 bài phóng sự, 16 chương trình phát thanh tiếng Bahnar trên sóng phát thanh địa phương

²⁹ Kết quả đạt: Giải khuyến khích nội dung phóng sự ngắn phát thanh.

Tuyên truyền bằng xe loa về công tác Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Công tác phòng, chống dịch, bệnh Covid-19, bệnh Bạch hầu trên địa bàn 12 xã, thị trấn.

Trong năm 2020 Thư viện huyện phục vụ 736 lượt độc giả. Tiếp nhận 428 bản sách tại Thư viện tỉnh. Phục vụ Thư viện lưu động tại xã Đê Ar, Ayun, Kon Thụp.

2.3. Y tế, Dân số - Gia đình - ATVSTP:

Triển khai kế hoạch công tác bảo đảm an toàn thực phẩm và tổ chức lễ phát động tháng hành động vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2020 theo kế hoạch. Trong năm 2020, Đoàn kiểm tra liên ngành của huyện và xã, thị trấn kiểm tra được 268 lượt các cơ sở sản xuất, kinh doanh và chế biến thực phẩm³⁰. Trong năm qua, không có vụ ngộ độc thực phẩm nào xảy ra trên địa bàn huyện. Từ đầu năm đến nay, UBND huyện cấp 05 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện về ATTP³¹.

Từ đầu năm đến nay các cơ sở y tế đã khám chữa bệnh và điều trị cho 45.570 lượt người, điều trị nội trú 3.782 lượt người. UBND huyện thành lập BCĐ phòng, chống dịch Covid-19, thành lập khu cách ly tập trung tại Thao trường huấn luyện tổng hợp huyện. Từ thời điểm bắt đầu dịch đến nay trên địa bàn huyện có 1.048 công dân từ các tỉnh có dịch trở về địa phương, trên địa bàn không có ca nhiễm Covid - 19.

Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn, nhất là dịch sốt xuất huyết, bệnh bạch hầu. Từ đầu năm đến nay trên địa bàn huyện xuất hiện 05 ca dương tính với bệnh bạch hầu³² và 134 ca sốt xuất huyết.

2.4. Công tác lao động, xã hội:

Công tác người có công: Giải quyết 38 chế độ MTP cho thân nhân người có công từ trần³³; 02 hồ sơ đề nghị cắt chế độ Tuất bệnh binh từ trần; 07 hồ sơ đề nghị thờ cúng liệt sĩ. Đề nghị Sở Lao động - TB&XH giải quyết chế độ cho các đối tượng theo thẩm quyền³⁴.

Ban hành kế hoạch số: 03/KH-UBND ngày 08/01/2020 “Tổ chức các hoạt động nhân dịp tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020”; Kế hoạch số: 88/KH-UBND ngày

³⁰ Đoàn kiểm tra liên ngành của huyện kiểm tra 02 đợt, với 30 cơ sở. Trong quá trình kiểm tra có: 06 cơ sở vi phạm (xử lý vi phạm hành chính 03 cơ sở, nhắc nhở 03 cơ sở); Đoàn kiểm tra liên ngành của xã, thị trấn kiểm tra 238 cơ sở; có 15 cơ sở vi phạm (nhắc nhở 13 cơ sở và xử lý vi phạm hành chính 02 cơ sở).

³¹ cho 03 bếp ăn tập thể và 02 hộ kinh doanh

³² Đak Ta Ley 01 (đã tử vong), Hra 02, Đak Djärang 01 và Kon Thụp 01

³³ 29 hồ sơ CCCM, 05 hồ sơ Tù đày, 04 hồ sơ bệnh binh; Lập danh sách cho 01 đối tượng của xã Đak Djärang được cấp kinh phí mua dụng cụ chỉnh hình; 420 đối tượng người có công được điều dưỡng tại nhà năm 2020, với tổng số tiền 466.200.000 đồng và điều dưỡng nhà cho 15 đối tượng, với tổng số tiền 16.650.000 đồng.

³⁴ 01 hồ sơ hưởng hàng tháng đối với người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày của xã Lơ Pang; 03 hồ sơ mai táng phí cho đối tượng theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; 04 hồ sơ mai táng phí theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ cho đối tượng tử trận của xã Đak Jơ Ta, H'ra, Ayun và thị trấn Kon Dong; 01 hồ sơ mai táng phí theo Nghị định 150/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ cho đối tượng tử trận của xã Đak Ta Ley; 01 hồ sơ mai táng phí cho 01 đối tượng Cựu chiến binh theo Nghị định 157/2016/NĐ-CP của xã H'ra.

10/7/2020 “Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 73 năm ngày Thương binh, Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2020)”³⁵.

Công tác bảo trợ xã hội: Giải quyết 54 hồ sơ trợ cấp mai táng phí, 66 hồ sơ trợ cấp hàng tháng cho đối tượng đủ từ 80 tuổi trở lên và 25 hồ sơ gia đình chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng, 12 hồ sơ cắt trợ cấp hàng tháng, 46 hồ sơ người khuyết tật, 02 hồ sơ đơn thân nghèo nuôi con, 02 hồ sơ trẻ mồ côi, 10 hồ sơ điều mức trợ cấp bảo trợ xã hội, 01 hồ sơ gia đình nhận nuôi.

Phê duyệt danh sách và hỗ trợ cho đối tượng Người có công, Bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 trên địa bàn huyện, với tổng số tiền 20.165.750.000 đồng;

Công tác Bảo hiểm xã hội: Tiến hành chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng cho 524 người, tổng số tiền 37.779 triệu đồng và thanh toán chế độ ốm đau, thai sản cho 141 người, với số tiền 2.252 triệu đồng; Thu BHXH, BHYT bắt buộc 62.247 lượt người, với số tiền 87.254 triệu đồng; Chi công tác giám định BHYT cho 45.344 lượt người, tổng số tiền 8.647 triệu đồng và tiến hành cấp thẻ BHYT cho các đối tượng thụ hưởng theo đúng quy định³⁶.

Công tác giảm nghèo: Triển khai thực hiện kế hoạch giảm nghèo bền vững năm 2020. Tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo năm 2020 theo kế hoạch, kết quả: toàn huyện có 1.645 hộ nghèo/16.728 hộ (chiếm 9,83% tổng số hộ dân cư); 3.412 hộ cận nghèo/16.728 hộ (chiếm 20,4% trong tổng số hộ), tỷ lệ giảm nghèo bình quân 3,28%/4,5% (không đạt chỉ tiêu nghị quyết Huyện ủy, HĐND huyện đề ra). Tổ chức cấp phát gạo cứu đói cho nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý và đói giáp hạt năm 2020 (1.671 hộ/7.009 khẩu/105.135 kg gạo).

Công tác Lao động - Việc làm - Dạy nghề: Trên cơ sở giới thiệu của Sở Lao động - TB&XH, UBND huyện chỉ đạo các ngành liên quan, UBND các xã, thị trấn phối hợp với các Công ty đến tuyên truyền, tư vấn tuyển chọn lao động trên địa bàn huyện và

³⁵ Nhân dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020, UBND huyện tổ chức thăm và tặng 429 suất cho đối tượng người có công, trẻ em, các đồng chí nguyên là Bí thư, phó Bí thư huyện qua các thời kỳ, gia đình mẹ VNAH, AHLLVT, các đơn vị lực lượng vũ trang, với tổng số tiền 116.400.000 đồng. Nhân dịp 27/7, UBND huyện tặng 1.208 suất quà cho các hộ gia đình chính sách trên bản huyện, với tổng số tiền là 253.500.000 đồng. Vận động các ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị trên địa bàn huyện tham gia ủng hộ Quỹ “Đèn ơn đáp nghĩa” năm 2020, tới thời điểm hiện tại đã huy động được 16.670.000 đồng.

³⁶ Đã cấp 445 thẻ BHYT cho đối tượng người có công, 155 thẻ BHYT cho đối tượng Cựu chiến binh, CDHHGT 25 thẻ, Quyết định 62 là 171 thẻ BHYT, thân nhân liệt sĩ 28 thẻ BHYT, thân nhân người có công 03 thẻ BHYT. Lập bô sung danh sách tham gia bảo hiểm y tế năm 2020 cho 180 đối tượng BTXH và 454 đối tượng Người già 80 tuổi; cấp bô sung thẻ BHYT cho đối tượng: hộ nghèo 708 thẻ, cận nghèo 1.303 thẻ và hộ nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình 329 thẻ.

tuyển thực tập sinh đi thực tập ở nước ngoài. Tổ chức đào tạo dạy nghề cho học viên thuộc 12 xã, thị trấn; đã kiểm tra kết thúc đào tạo các lớp, nghề³⁷.

Công tác BVCS trẻ em: Thăm và tặng 400 suất quà Nhân dịp Tết Nguyên đán Canh Tý và Tết thiếu nhi 1/6 cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em mồ côi³⁸. Triển khai văn bản chỉ đạo đến các xã, thị trấn thực hiện cam kết các hộ dân có ao, hồ, hố đào để rào chắn, cắm biển cảnh báo nguy hiểm để phòng chống, đuối nước trên địa bàn huyện. Ban quản lý quỹ Bảo trợ trẻ em hỗ trợ cho các em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và tổ chức trao, tặng quà của các đơn vị cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn huyện³⁹.

Trong năm 2020, Văn phòng tư vấn thực hiện 121 cuộc tư vấn cho trẻ, gia đình trẻ, cán bộ quản lý trường hợp về công tác bảo vệ trẻ em và thực hiện công tác quản lý các trường hợp.

2.5. Công tác Dân tộc:

Chương trình 135: Năm 2020, đầu tư xây dựng mới 19 công trình⁴⁰. Hợp phần xây dựng cơ sở hạ tầng: Hiện nay đã được thi công đạt trên 86,6% khối lượng, giải ngân đạt 73,4% kế hoạch vốn (4.442,5 triệu đồng).

Hợp phần duy tu bảo dưỡng các công trình 135 sau đầu tư năm 2020: Hiện nay, các xã đang tiến hành duy tu, bảo dưỡng các công trình và đã thi công đạt trên 98% khối lượng, giải ngân đạt 33,2% kế hoạch vốn (239 triệu đồng). Hợp phần phát triển sản xuất Chương trình 135 sau đầu tư năm 2020 là: 2.520,0 triệu đồng, ưu tiên hỗ trợ để mua giống cây lâm nghiệp cho các hộ (thuộc đối tượng và phạm vi hỗ trợ của CT 135). Dự án Nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở: tổ chức tập huấn 12 lớp, với 533 học viên (chủ yếu là hộ nghèo và cán bộ thôn, làng); Trong đó giải ngân vốn đạt 91,1% kế hoạch vốn giao (320,644 triệu đồng).

Thực hiện Quyết định số: 2085/QĐ-TTg với tổng số hộ được hỗ trợ là 202 hộ (định mức hỗ trợ 1,5trđ/hộ). Đối tượng là hộ DTTS nghèo, cư trú ở làng, xã ĐBKX của huyện, có tên trong Đề án của huyện để thực hiện Quyết định số: 2085/QĐ-TTg; với tổng số kinh phí hỗ trợ là 303 triệu đồng (trong đó Ngân sách tỉnh là 302 triệu; Ngân sách xã 01 triệu). Đến nay, chưa xã nào hoàn thành được Chương trình hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán thuộc Đề án thực hiện Quyết định số: 2085/QĐ-TTg cho 202 hộ được thụ hưởng từ chính sách này, dự kiến sẽ thực hiện và giải ngân trong tháng 12/2020.

³⁷ 03 lớp may mặc, cho 62 học viên (01 lớp Kpang 22 học viên); 08 lớp Trồng và chăm sóc cây cà phê, cho 227 học viên; 01 lớp Nề cho 25 học viên; 03 lớp Sửa chữa máy cày công suất nhỏ cho 69 học viên; 01 sửa chữa xe máy cho 25 học viên; 02 lớp trồng và chăm sóc cây lúa cho 57 học viên

³⁸ mỗi suất trị giá 100.000 đồng với tổng số tiền 40.000.000 đồng

³⁹ Trao tặng 2.000.000 đồng cho cháu Như, làng Đák Bot, xã Đák Trôi bị mắc bệnh hiểm nghèo và 500.000 đồng hỗ trợ cho gia đình có trẻ em tự tử xã Ayun. Trong năm 2020 đã trao tặng 100 suất quà của Hội Bảo trợ Người khuyết tật và trẻ em mồ côi cho đối tượng người nghèo, trẻ em khuyết tật, trẻ mồ côi của xã Ayun, Đak Jơ Ta, mỗi suất 400.000 đồng, với tổng số tiền 40.000.000 đồng và 100 suất quà cho học sinh Tiểu học của xã Ayun và xã Đak Jơ Ta và 08 suất học bổng cho 08 trẻ em khuyết tật trên địa bàn huyện.

⁴⁰ 12 công trình giao thông, 05 công trình giáo dục; 02 công trình nhà sinh hoạt cộng đồng.

Tiếp tục triển khai Dự án bố trí ổn định dân di cư tự do của huyện theo Quyết định số: 1776/QĐ-TTg.

Công tác thống kê cặp tảo hôn, hôn nhân cận huyết và số vụ tự tử năm 2020 trên địa bàn huyện: Tổng số cặp tảo hôn: 22 cặp; chiếm 4,01% trong tổng số các cặp đã kết hôn, tỷ lệ tảo hôn giảm 1,94% so với năm 2019 (từ 5,95% của năm 2019, xuống 4,01% năm 2020). Trong năm có 22 trường hợp tự tử (chết 09 người). Không có trường hợp kết hôn cận huyết.

2.6. Công tác tôn giáo:

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trong dịp Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020. Rà soát, thống kê số lượng tín đồ, chức sắc, chức việc trên địa bàn huyện⁴¹; tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với Phật giáo.

Quản lý tổ chức Đại lễ Phật đản PL.2564 - DL.2020; hướng dẫn, quản lý hoạt động tôn giáo trong dịp lễ Phục sinh 2020; hướng dẫn hoạt động của tổ chức Đảng hoằng thiên cách mạng thế giới đại đồng. Lấy ý kiến việc thành lập Giáo xứ Plei Bông - xã Ayun và thành lập Giáo xứ Kon Thụp - xã Kon Thụp; thực hiện các quy định của pháp luật về đại hội của tổ chức tôn giáo; thành lập Giáo xứ Plei Bông - xã Ayun. Kiểm tra công tác tôn giáo trên địa bàn huyện nhân dịp lễ Phục sinh năm 2020 và tuyên truyền các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 và bệnh bạch hầu trong các tổ chức tôn giáo trên địa bàn huyện.

2.7. Công tác Thi đua – Khen thưởng:

Quyết định công nhận hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của các sáng kiến, kinh nghiệm, giải pháp công tác năm 2019. UBND huyện khen thưởng 26 tập thể LĐTT, 101 cá nhân LĐTT, 29 CSTĐCS; tặng Giấy khen cho 07 tập thể và 32 cá nhân đạt thành tích trong công tác năm 2019, khen thưởng cho 22 Tập thể LĐTT; 75 chiến sỹ thi đua cơ sở và 678 lao động tiên tiến ngành GD&ĐT huyện năm học 2019-2020. Khen thưởng cho cho 109 cá nhân và 145 tập thể có thành tích trong các phong trào⁴².

⁴¹ Toàn huyện có 4.137 hộ/16.249 khẩu theo các tôn giáo (Công giáo: 1.509 hộ/6.668 khẩu; Tin lành: 2.162 hộ/8.376 khẩu; Phật giáo: 413 hộ/1.110 khẩu; Cao đài: 14 hộ/36 khẩu; Bahá'í: 03 hộ/06 khẩu)

⁴² 07 tập thể và 15 cá nhân đã hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác quốc phòng, quân sự địa phương năm 2019; 11 tập thể và 14 cá nhân đã có thành tích trong 10 năm triển khai thực hiện CCHC từ năm 2011-2020; 05 tập thể và 12 cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong công tác tuyên truyền năm 2020; 04 tập thể và 06 cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác GDQP&AN năm 2019; 19 cá nhân là người uy tín năm 2019; 03 tập thể và 07 cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong công tác đấu tranh truy bắt các đối tượng tà đạo “Hà mòn” lẩn trốn; 01 tập thể và 19 cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong công tác đấu tranh truy bắt tội phạm đánh bạc dưới hình thức đá gà ăn tiền; 03 tập thể, 07 cá nhân tại Hội nghị biểu dương nông dân điển hình tiên tiến lần thứ IV, giai đoạn 2015-2020”; 03 tập thể và 04 cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong vận động, tuyên truyền, tổ chức và tham gia hiến máu tình nguyện năm 2020; 03 tập thể và 03 cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực tôn giáo từ năm 2015-2020; 03 tập thể và 08 cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ công đoàn giai đoạn từ năm 2015-2020; 02 tập thể và 03 cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ Hội Chữ thập đỏ giai đoạn từ năm 2015-2020; 03 tập thể và 10 cá nhân đã đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương năm 2020; 08 cá nhân đã đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động phong trào Hội Khuyến học nhiệm kỳ 2015-2020; 16 các tập thể, 22 cá nhân có công hiến cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển huyện Mang Yang từ năm 2000 - 2020 nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập huyện; 07 tập thể và 22 cá nhân

Hoàn tất các thủ tục đề nghị khen thưởng cấp Trungương cho 03 cá nhân⁴³ và khen thưởng cấp tinh cho 13 tập thể và 11 cá nhân⁴⁴.

3. Nội chính:

3.1. ANCT - Trật tự an toàn xã hội:

Từ đầu năm đến nay có và 32 người nước ngoài đến địa phương tham quan, du lịch. Qua công tác năm tình hình chưa phát hiện có dấu hiệu liên quan đến ANTT.

Tình hình an ninh trên các lĩnh vực: an ninh tôn giáo, an ninh chính trị, an ninh xã hội, an ninh nông thôn nhìn chung ổn định, tiếp tục được giữ vững, không để phát sinh các vụ việc tranh chấp, khiếu kiện phức tạp, đông người trở thành điểm nóng về ANTT (vẫn còn 02 vụ việc liên quan đến đất đai tại xã Dak Ley, xã Dak Jơ Ta; một số hoạt động từ thiện không xin phép chính quyền, cơi nới cơ sở thờ tự trái phép).

Xây dựng và triển khai kế hoạch cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, đảm bảo ANTT thời điểm trước, trong và sau các ngày lễ lớn của đất nước.

Công tác đấu tranh xóa bỏ tà đạo “Hà mòn”: Tình hình hoạt động tà đạo “Hà mòn” cơ bản đã giải quyết ổn định; đã bắt hết số đối tượng tà đạo “Hà mòn” lẩn trốn ngoài rừng; không để các đối tượng bên trong tổ chức đọc kinh, cầu nguyện trái phép trong làng và ngoài rừng; đấu tranh xóa bỏ hết các nhóm bên trong làng; chưa phát hiện hoạt động móc nối liên lạc hay tái hoạt động.

Công tác quản lý đối tượng FULRO-“TLĐG”: Hiện trên địa bàn còn 26 đối tượng liên quan đến FULRO-“TLĐG” (giảm 06 đối tượng so với cùng kỳ), đang cư trú tại 04 làng/02 xã; đến nay chưa phát hiện các hoạt động tái phục hồi tổ chức FULRO-“TLĐG”.

Công tác bảo vệ bí mật nhà nước và an ninh mạng: chưa phát hiện vụ việc nào liên quan đến lộ lọt bí mật nhà nước; phát hiện 01 vụ việc liên quan đến lợi dụng báo, đài phương tiện thông tin đại chúng đưa tin sai sự thật; 01 trường hợp lợi dụng mạng xã hội đăng tải thông tin sai sự thật về dịch Covid – 19. Công an huyện đã xác minh, xử lý theo quy định pháp luật.

đạt thành tích xuất sắc trong công tác đấu tranh giải quyết tà đạo “Hà mòn” giai đoạn 2009-2020; 02 tập thể và 02 cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động hè năm 2020.

⁴³ Đề nghị: Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng Bằng khen cho 02 cá nhân; Bộ trưởng - Chủ nhiệm UBND tặng Bằng khen cho 01 cá nhân thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong quản lý, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020

⁴⁴ Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen cho 02 tập thể đã đạt thành tích trong việc thực hiện Chương trình OCOP năm 2019; tặng Bằng khen trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác tôn giáo từ năm 2015-2020 01 tập thể; Tặng Cờ thi đua “Vì sự nghiệp bảo vệ tinh Gia Lai” đối với 01 tập thể; tặng Cờ thi đua “Vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tinh Gia Lai” nhân dịp kỷ niệm 20 năm ngày thành lập huyện (22/10/2000-22/10/2020); tặng Bằng khen đối với 02 tập thể, 07 cá nhân có công hiến lâu dài nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập huyện (22/10/2000-22/10/2020); tặng Bằng khen đối với 01 tập thể và 01 cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong công tác đấu tranh giải quyết tà đạo “Hà mòn” từ năm 2009 – 2020; 01 tập thể và 02 cá nhân có công hiến lâu dài nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập xã Dak Djerang (21/8/2000 - 21/8/2020); Khen thưởng cấp tinh cho 04 TT LDXS, 02 tập thể tặng Cờ thi đua, tặng Bằng khen cho 03 tập thể và 01 cá nhân ngành GD&ĐT.

Tình hình tai nạn giao thông: Trong năm 2020 xảy ra 12 vụ, làm chết 04 người, bị thương 10 người (*giảm 01 vụ, giảm 02 người chết, không tăng/không giảm số người bị thương so với cùng kỳ 2019*). Tổng giá trị thiệt hại tài sản khoảng 70 triệu đồng.

Tệ nạn xã hội: Xảy ra 24 vụ (*giảm 02 vụ so với cùng kỳ 2019*): 09 vụ tự ngã, 08 vụ tự tử; 05 vụ đuối nước; 01 vụ cháy, 01 vụ ong vò vẽ đốt. Hậu quả làm 22 người chết, 08 người bị thương; tài sản thiệt hại ước tính trên 1,5 tỷ đồng.

Phạm pháp hình sự: Xảy ra 35 vụ (*tăng 8 vụ so với cùng kỳ 2019*); hậu quả bị thương 07 người, tài sản thiệt hại 297 triệu đồng; Tội phạm trộm cắp tài sản xảy ra nhiều (16/35 vụ, chiếm 45,7%);

Phạm pháp kinh tế, môi trường: Phát hiện 27 vụ (*giảm 01 vụ so với cùng kỳ năm 2019*); trong đó: 13 vụ vi phạm pháp luật về kinh tế⁴⁵, 14 vụ vi phạm pháp luật về môi trường⁴⁶.

Phạm pháp ma túy: Phát hiện 02 vụ/03 đối tượng tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy (*không tăng/không giảm so với cùng kỳ 2019*). Số đối tượng liên quan đến ma túy 21 đối tượng, cư trú tại 07/12 xã, thị trấn (*tăng 07 đối tượng so với cùng kỳ*).

Tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội: đấu tranh có hiệu quả với tội phạm tín dụng đen, tội phạm đánh bạc⁴⁷; nâng cao hiệu quả công tác vận động truy bắt đối tượng truy nã, tội phạm ma túy, tội phạm tham nhũng, kinh tế môi trường. Tăng cường quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; kịp thời phát hiện xử lý vi phạm⁴⁸;

Kết quả điều tra, xử lý tội phạm: Công an huyện thụ lý điều tra 63 vụ/68 bị can⁴⁹. Tăng cường công tác quản lý tạm giam, tạm giữ; thi hành án hình sự, quản lý, giáo dục đối tượng chấp hành án phạt khác tại các xã, thị trấn.

Thực hiện đăng ký quản lý cư trú theo quy định⁵⁰; cấp phát 3.153 CMND. Tăng cường TTKS trên các tuyến đường tỉnh lộ liên xã, khu trung tâm tập trung đông người; qua đó đã phát hiện và lập biên bản 2.512 trường hợp, xử lý vi phạm 2.138 trường hợp với số tiền 991,145 triệu đồng. Cùng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng tham gia bảo đảm ANTT, nhất là lực lượng Công an xã, các tổ chức quần chúng⁵¹.

⁴⁵ 01 vụ vận chuyển hàng cấm; 10 vụ vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản; 02 vụ kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc.

⁴⁶ 07 vụ khai thác khoáng sản trái phép; 07 vụ hủy hoại rừng.

⁴⁷ Triệt phá 01 vụ tổ chức đánh bạc dưới hình thức đá gà, bắt giữ 47 đối tượng.

⁴⁸ Vận động thu hồi 207 súng độ ché, 10 linh kiện và 04 loại khác.

⁴⁹ Án tồn chuyển sang 06 vụ/09 bị can, thụ lý mới 45 vụ/50 bị can. Đã điều tra khám phá 38/63 vụ, đạt 60,31%. Hiện đang điều tra 25 vụ/17 bị can.

⁵⁰ Tiếp nhận 2.889 hồ sơ đăng ký cư trú của Công an cấp xã nộp lưu tang thư công an huyện.

⁵¹ Củng cố, duy trì 42 tổ ANND và tổ tự quản ANTT (841 thành viên), 80 tổ hòa giải (485 thành viên), 10 tổ tự quản về ATGT (100 thành viên).

3.2. Công tác QP - QSĐP:

Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác Quốc phòng, QSĐP năm 2019, triển khai nhiệm vụ năm 2020, trên cơ sở đó chỉ đạo duy trì nghiêm chế độ trực chỉ huy, trực SSCĐ ở các cấp. Tổ chức huấn luyện cho các lực lượng theo kế hoạch⁵².

Tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2020 đối với 165 đồng chí, đạt 100% chỉ tiêu giao⁵³, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các điều kiện phục vụ công tác tuyển quân năm 2021. Tổ chức đăng ký kết quả đăng ký độ tuổi 17 và độ tuổi SSNN 18 - 25⁵⁴; Hoàn chỉnh hồ sơ tuyển sinh quân sự năm 2020 (đủ điều kiện 20 hồ sơ).

Tổ chức kiện toàn hội đồng NVQS huyện và Hội đồng Giáo dục QP-AN đúng thành phần. Tiếp tục thực hiện Nghị định số: 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 về quy chế phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ An ninh quốc gia, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng; Nghị định 133/2015/NĐ-CP ngày 28/12/2015 của Thủ tướng Chính Phủ. Chuẩn bị các điều kiện phục vụ các đoàn kiểm tra của quân khu, Bộ CHQS tỉnh theo kế hoạch.

3.3 Công tác thanh tra, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng:

Công tác thanh tra: Trong năm 2020 đã triển khai 08 cuộc thanh tra trên các lĩnh vực; đã hoàn thành 05 cuộc thanh tra đột xuất, thanh tra theo chỉ đạo của UBND tỉnh và Thanh tra Chính phủ: Thanh tra công tác quản lý bảo vệ rừng, sử dụng Quỹ dịch vụ môi trường rừng tại xã Lơ Pang; công tác quản lý, sử dụng một số nguồn kinh phí tại Phòng GD&ĐT huyện theo nội dung đơn tố cáo nặc danh; việc cấp Giấy CNQSD đất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp theo chỉ đạo của UBND tỉnh; Thanh tra đột xuất công tác quản lý, sử dụng Quỹ Bảo hiểm y tế, đầu thầu thuốc chữa bệnh và vật tư y tế...tại Trung tâm Y tế và Bảo hiểm xã hội huyện; Thanh tra đột xuất công tác quản lý bảo vệ rừng, sử dụng Quỹ dịch vụ môi trường rừng tại xã H’Ra và xã AYun theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Kết quả thanh tra, Đoàn thanh tra đã kiến nghị thu hồi số tiền 731.587.352 đồng. Trong đó:

- + Giám đốc BHXH huyện có trách nhiệm thu hồi 166.827.465 đồng, chi chăm sóc sức khỏe ban đầu cho các đơn vị trường học chưa đúng quy định nộp về BHXH tỉnh.

- + Giám đốc TTYT huyện có trách nhiệm thu hồi 29.571.772 đồng, chi thanh toán chi phí khám chữa bệnh không đúng quy định nộp về BHXH tỉnh.

- + Chủ tịch UBND xã Lơ Pang có trách nhiệm thu hồi 61.108.603 đồng nộp vào ngân sách do chi sai định mức, chế độ.

⁵² Huấn luyện cho 95/99 dc LLDBDV, huấn luyện 1.117/1.168 dc DQTV, huấn luyện tại chức cho 27/31 dc.

⁵³ 145 quân sự và 20 công an

⁵⁴ Có 3.872 thanh niên trong độ tuổi SSNN, đạt tỷ lệ 5,345 dân số

+ Chủ tịch UBND xã H'raco có trách nhiệm thu hồi 9.079.512 đồng nộp vào ngân sách do chi sai định mức, chế độ.

+ Trưởng phòng GD & ĐT huyện có trách nhiệm thu hồi 465.090.000 đồng nộp ngân sách do chi sai nguyên tắc tài chính.

- Đang tiến hành 02 cuộc thanh tra Công tác phòng chống tham nhũng, sử dụng kinh phí được cấp, các khoản thu, chi ngoài ngân sách và một số chương trình mục tiêu quốc gia tại UBND xã Đăk Jơ Ta và UBND xã H'ra theo kế hoạch;

- Kết thúc một cuộc thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN tại Trường Tiểu học Đăk Djrăng theo kế hoạch thanh tra năm 2019 chuyển qua. Đoàn thanh tra đã kiến nghị đơn vị được thanh tra kịp thời chấn chỉnh, khắc phục trong thời gian tới.

Công tác tiếp nhận, xử lý đơn thư: UBND huyện đã tiếp nhận 13 đơn, trong đó có 01 đơn trùng lặp; còn 12 đơn (kiến nghị 05; tố cáo 02; khiếu nại 05). Số đơn kỳ trước chưa được giải quyết: 0. Tổng số đơn phải xử lý: 12 đơn.

Đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện: 06 đơn (kiến nghị 02; khiếu nại 02; tố cáo 02). Đã giải quyết xong: 05 đơn (kiến nghị 02; khiếu nại 01; tố cáo 02).

Đơn không thuộc thẩm quyền: 06 đơn (kiến nghị 03; khiếu nại 03). UBND huyện đã chuyển đơn đến các cơ quan giải quyết theo thẩm quyền.

Công tác phòng, chống tham nhũng: Xây dựng kế hoạch phòng, chống tham nhũng năm 2020 và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch phòng, chống tham nhũng của cơ quan, địa phương mình. Từ đầu năm đến nay chưa phát hiện vụ tham nhũng nào.

Công tác tiếp dân: UBND huyện đã tiếp được 51 lượt công dân; Nội dung chủ yếu liên quan đến an ninh trật tự, chế độ chính sách, lĩnh vực đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, đề nghị mua đất theo giá Nhà nước, lĩnh vực kinh tế, lĩnh vực tài chính, lĩnh vực xây dựng. Qua tiếp công dân, lãnh đạo UBND huyện và các ngành chức năng đã lắng nghe, tiếp thu và trả lời các nội dung thắc mắc, kiến nghị của công dân; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kiểm tra, tham mưu giải quyết theo thẩm quyền.

3.4. Công tác Tư pháp:

Xây dựng kế hoạch triển khai công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý về xử lý vi phạm hành chính năm 2020; Kế hoạch triển khai công tác văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Cấp phát tài liệu PBGDPL cho các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn; Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị cấp huyện và UBND các xã, thị trấn tiếp tục thực hiện các đề án, chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017-2021.

Triển khai Kế hoạch công tác phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn huyện năm 2020; Chỉ đạo việc tăng cường công

tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về các vấn đề dư luận xã hội quan tâm và nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật trên địa bàn huyện.

Công tác chứng thực, hộ tịch: Cấp bản sao trích lục hộ tịch từ bản chính: 03 trường hợp; Chứng thực bản sao từ bản chính: 09 trường hợp; đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài: 04 cặp; Cải chính hộ tịch: 14 trường hợp; thay đổi hộ tịch: 01 trường hợp; bổ sung hộ tịch: 01 trường hợp; xác định lại dân tộc: 03 trường hợp; Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài: 01 trường hợp.

3.5. Công tác quản lý, bảo vệ rừng:

UBND đã chỉ đạo Hạt Kiểm lâm phối hợp với Công an huyện, Ban chỉ huy Quân sự huyện ban hành quy chế phối hợp số: 72/QC-KL-QS-CA ngày 26/04/2019 phối hợp giữa Kiểm lâm, Ban chỉ huy quân sự huyện và Công an huyện Mang Yang trong công tác bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn huyện. Từ đầu năm đến nay tổ chức tuyên truyền được 30 đợt với 2100 lượt người tham gia; cấp phát 600 tờ tranh ảnh tuyên truyền, 1000 quyển sổ tay tuyên truyền các loại. Ngoài ra Kiểm lâm địa bàn cũng tham mưu cho UBND xã tổ chức nhiều đợt tuyên truyền, vận động phổ biến pháp luật về công tác bảo vệ rừng tại các thôn làng bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú cuốn hút nhiều lượt người dân tham gia.

Xây dựng phương án chữa cháy rừng theo phương châm 4 tại chỗ; Củng cố, kiện toàn lực lượng xung kích PCCCR sẵn sàng tham gia chữa cháy khi có cháy rừng xảy ra⁵⁵. Nhờ đó tất cả các đám cháy đều đã được phát hiện và huy động lực lượng dập tắt kịp thời không để xảy ra cháy rừng.

Thực hiện kế hoạch trồng rừng của năm 2020: Đến nay, huyệđã trồng được 83,65ha/80ha và hỗ trợ cho nhân dân trồng dặm rừng năm 2017, 2018, 2019 được 90,43 ha. Đồng thời chỉ đạo các xã tuyên truyền vận động nhân dân lòng ghép với nguồn vốn Chương trình MTQG GNBV để trồng rừng đạt 292 ha.

Từ đầu năm 2020 đến nay Huyện đã quyết liệt chỉ đạo các lực lượng tăng cường thời lượng kiểm tra, phát hiện và lập biên bản xử lý nghiêm túc 34 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng. Trong đó khởi tố 08 vụ tạm giữ 43,77 m³ gỗ các loại, tịch thu 17 xe máy độ chế không BKS, 02 xe ô tô tải, 01 xe ô tô độ chế, 01 xe công nông độ chế và Phạt tiền: 55.000.000 đồng.

3.6. Công tác xây dựng chính quyền - Cải cách hành chính:

Quyết định giao biên chế cho các cơ quan, đơn vị năm 2020; bổ nhiệm, điều động và bổ nhiệm, thay đổi vị trí việc làm, nâng bậc lương, nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác, đào tạo, bồi dưỡng 493 CCVC⁵⁶; cử 04 CCVC đi học lớp Trung cấp LLCT-HC; bổ

⁵⁵ Mùa khô năm 2020, Hạt Kiểm lâm, đơn vị chủ rừng và UBND các xã, thị trấn đã có kế hoạch cụ thể, thường xuyên bố trí lực lượng trực tại cơ quan và lực lượng tuần tra, canh gác lửa rừng tại các vùng trọng điểm cháy 24/24 giờ trong ngày để sẵn sàng dập tắt các đám cháy từ khi mới phát sinh.

⁵⁶ Bổ nhiệm 01VC; điều động và bổ nhiệm 18CCVC; bổ nhiệm lại 06CCVC; tiếp nhận, bổ nhiệm 01 CC; miễn nhiệm 03 CCVC; thôi tăng cường Chủ tịch xã và bổ nhiệm: 01CC; kéo dài thời gian giữ chức vụ 01CC; thay đổi VTVL 30 CCVC; tiếp nhận và tuyển dụng vào công chức 02VC; tiếp nhận 01VC; biệt phái 06 VC; nâng bậc lương, thâm niên nghề

nhiệm ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho 125 CCVC; bổ nhiệm ngạch không qua thi 02CC; trung tập 20 CCVC.

Tiếp nhận, điều động và bổ nhiệm 01CC; bổ nhiệm lại 06 VC lãnh đạo, quản lý; tuyển dụng 01 sinh viên cử tuyển; cử công chức hướng dẫn tập sự 01 CC; phân công phụ trách kế toán cơ quan 02CC; nghỉ hưu 03 CCVC; nâng lương, thâm niên quý III cho 31CCVC; thay đổi vị trí việc làm 10 VC; biệt phái 06 VC; tiếp nhận và phân công công tác 02 VC; chuyển công tác 02VC; cử 01 CC đi bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý; Cử 01 CBCC đi học lớp Trung cấp LLCT-HC; cử 15 công chức cấp xã đi bồi dưỡng chức danh công chức cấp xã.

Phê chuẩn kết quả miễn nhiệm và kết quả bầu bổ sung các chức danh, chủ tịch, PCT UBND các xã, thị trấn theo đúng quy định⁵⁷.

Cải cách hành chính: Trong năm 2020, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND huyện tiếp nhận 3.337 hồ sơ. Trong đó, đã trả đúng hạn: 3.110 hồ sơ, đã trả quá hạn 23 hồ sơ (thuộc lĩnh vực đất đai), đang giải quyết: 204 hồ sơ. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã tiếp nhận 14.993 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 14.993 hồ sơ, trễ hạn 0 hồ sơ.

Một số đơn vị không nhập đầy đủ hồ sơ vào hệ thống (UBND xã Đăk Trôi), không chuyển xử lý trên hệ thống một cửa điện tử dẫn đến trễ hạn hồ sơ (Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện; UBND các xã: Đăk Trôi, Lơ Pang, Kon Thụp, Đăk Ta Ley, Đăk Djrăng, Đê Ar).

4. Ước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020.

4.1. Về phát triển kinh tế:

- Tốc độ tăng GTSX năm 2020 (theo giá so sánh 2010): đạt 18,48%, không đạt so với chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (18,88%). Trong đó:

+ Nông, lâm nghiệp tăng: 13,92%, chưa đạt so với chỉ tiêu Nghị quyết (14,89%).

+ CN, xây dựng tăng: 37,49%, đạt với chỉ tiêu Nghị quyết (27,49%).

+ Dịch vụ tăng: 15,70% đạt so với chỉ tiêu Nghị quyết (15,70%).

- Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành):

+ Nông, lâm nghiệp và thủy sản: chiếm tỷ trọng 42,71%.

+ Công nghiệp và xây dựng: chiếm tỷ trọng 32,89%.

158 CCVC; công nhận hết thời gian tập sự 03CC; nghỉ hưu trước tuổi theo ND 108: 02 VC; nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 26/2015/NĐ-CP: 02CC; nghỉ hưu đúng tuổi: 03VC; chuyên công tác 28CCVC; thôi việc theo ND 108: 01VC; thôi việc theo nguyện vọng 02CCVC

⁵⁷ Phê chuẩn kết quả miễn nhiệm PCT UBND xã Đăk Trôi; Bầu bổ sung Phó Chủ tịch UBND các xã Đăk Ta Ley, Đăk Jơ Ta, Ayun, Hra, Kon Chiêng; Phê chuẩn kết quả miễn nhiệm và bầu bổ sung chức vụ Chủ tịch UBND xã Ayun, Đăk Jơ Ta, Kon Chiêng; Phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch UBND xã Kon Thụp, Đăk Trôi, Lơ Pang; giao quyền Chủ tịch UBND xã Kon Thụp, Lơ Pang, Đăk Trôi;

+ Dịch vụ: chiếm tỷ trọng 24,41%.

Nhìn chung cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng.

- Tổng diện tích cây trồng: 24.210,9 ha, đạt 100,4% KH.
- Tổng sản lượng lương thực có hạt: 18.758,96 tấn, đạt 100,2% KH.
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn: 392,7 tỷ đồng. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tính đến ngày 25/11/2020 là 29.394 tỷ đồng, đạt 119,5% KH.
- Tổng chi ngân sách nhà nước: 384,69 tỷ đồng.

4.2. Về xã hội:

- Dân số trung bình: 69.997 người.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,50%.
- Tỷ lệ giảm nghèo theo tiêu chí mới: 8,63%.
- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo: 3,28%.
- Số trường đạt chuẩn quốc gia: 03 trường (Trường mẫu giáo Đak Ta Ley, Tiểu học H'ra số 1, TH&THCS Đăk Trôi).
- Số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế: 02 xã, đạt kế hoạch.
- Tỷ lệ hộ dùng điện: 99,5%, vượt chỉ tiêu so với Nghị quyết đề ra (99%).

4.3. Môi trường:

- Tỷ lệ che phủ rừng (kể cả cây cao su, bời lờ): 50,05% (theo Nghị quyết 100 đạt 49,02%).
- Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom: 98,7%.
- Tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh: 97,8% vượt so chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (95%).

(Có bảng phụ lục chi tiết kèm theo)

Đánh giá chung:

Năm 2020 được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của UBND tỉnh và Ban chấp hành Đảng bộ huyện; sự giám sát của HĐND huyện và sự phối, kết hợp của Mặt trận, các đoàn thể, nỗ lực của nhân dân trong toàn huyện, tình hình kinh tế - xã hội, QPAN trên địa bàn đạt được nhiều kết quả, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, an ninh chính trị được giữ vững. Cụ thể:

Công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất dạy và học được triển khai đồng bộ. Công tác đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia được quan tâm, đến nay toàn huyện có 19 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, chất lượng mũi nhọn giáo dục được quan tâm và bước đầu có hiệu quả. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, truyền thanh, truyền hình luôn phát huy hiệu quả, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, công tác chính sách, người có công, bảo trợ xã hội, trẻ em, dạy nghề đã góp phần đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao tinh thần đoàn kết trong nhân dân, đẩy nhanh công tác xóa

đói giảm nghèo. Công tác giải ngân vốn đầu tư xây dựng đạt tiến độ UBND tỉnh đề ra. Số lượng trường đạt chuẩn quốc gia vượt 03 trường so Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020.

Tình hình ANCT - TTATXH cơ bản được giữ vững, hoạt động của tà đạo “Hà mòn” được kiềm chế, các đối tượng lẩn trốn cuối cùng đã bị bắt, giảm số đối tượng quản lý giáo dục tại cộng đồng; không để FULRO-“TLĐG” tái phục hồi; Công tác cải cách hành chính được quan tâm thực hiện từ huyện đến xã.

Bên cạnh những việc làm được vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần tiếp tục chỉ đạo, thực hiện trong thời gian tới:

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, thiên tai, dịch bệnh, giá cả các mặt hàng nông sản chủ lực chưa có dấu hiệu phục hồi, đã tác động đến nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Một số chỉ tiêu dự ước không đạt Nghị quyết⁵⁸. Triển khai chuyển đổi cây ăn quả, cây dược liệu còn gặp nhiều khó khăn; các chuỗi liên kết giá trị sản phẩm nông nghiệp tiến độ chậm; một số Hợp tác xã hoạt động chưa hiệu quả. Quản lý xây dựng, quy hoạch được tăng cường, tuy nhiên, việc xử lý các trường hợp xây dựng không phép, trái phép còn chậm, chưa dứt điểm. Tiến độ xây dựng và triển khai các Phương án quan trọng trên lĩnh vực đất đai⁵⁹ gặp nhiều vướng mắc. Giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, nhất là việc duy trì sỹ số và sắp xếp giáo viên trong điều kiện chưa tuyển dụng được. Công tác phòng, chống bệnh sốt xuất huyết, bạch hầu hiệu quả chưa cao. Phát triển du lịch còn hạn chế. Công tác giảm nghèo còn nhiều khó khăn, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

An ninh nông thôn còn tiềm ẩn nhiều vấn đề phức tạp; phạm pháp hình sự, phạm pháp kinh tế có chiều hướng tăng. Tai nạn xã hội tăng cả số vụ, số người chết. Ý thức chấp hành Luật an toàn giao thông của người dân còn hạn chế, nhất là trong thanh thiếu niên. Tiến độ giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, một số vụ việc có thời điểm còn chậm. Vì phạm Luật lâm nghiệp, mặc dù quy mô, tính chất, mức độ vi phạm không bằng cùng kỳ năm 2019, tuy nhiên, số vụ vi phạm tăng cao (tăng 14 vụ) và công tác điều tra, xử lý các vụ án đã khởi tố còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương. Công tác thi hành án dân sự còn nhiều thiêng sót. Chưa giải quyết dứt điểm vụ khiếu kiện, tranh chấp đất đai tại xã Đak Jơ Ta; tội phạm hình sự chưa được kéo giảm, trong đó trộm cắp tài sản xảy ra còn nhiều nhưng công tác phòng ngừa với loại tội phạm này còn hạn chế.

II. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2021:

1. Kinh tế:

⁵⁸ 05 chỉ tiêu: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất hàng năm; Tỷ lệ hộ nghèo; Số bác sĩ/vạn dân; Tỷ lệ xã đạt tiêu chí Quốc gia về Y tế; Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.

⁵⁹ Phương án sử dụng đất Công ty chè A Yun và việc di dời các nhà, lều quán trong rừng thông (Quốc lộ 19, xã Đak Ta Ley).

Chuẩn bị kế hoạch sản xuất đông xuân 2020-2021 và chỉ tiêu kế hoạch gieo trồng năm 2021. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã khẩn trương nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm. Triển khai thực hiện Dự án khuyến nông áp dụng giống lúa J02 vào sản xuất Đông xuân 2020 -2021, quy mô 50 ha, với kinh phí khoảng 2 tỷ đồng từ nguồn hỗ trợ phát triển sản xuất lúa, đảm bảo kịp thời vụ. Nâng cao tiêu chí 4 xã Nông thôn mới, tăng bình quân 02 tiêu chí NTM/xã (Trong đó xã Kon Thụp đạt tối thiểu 19 TC) và xây dựng 03 làng đạt chuẩn NTM trong vùng ĐBDTTS.

Tăng cường kiểm tra, thẩm định hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân. Hoàn thiện phương án sử dụng đất của Cty chè Ayun; di dời các hộ lấn chiếm rừng thông Đak TA Ley vào khu tái định cư.

Triển khai mô hình khoa học công nghệ 2021 trên địa bàn huyện. Xây dựng Kế hoạch kiểm tra định kỳ về quản lý chất lượng các công trình do UBND huyện quyết định đầu tư. Đôn đốc UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác quản lý quy hoạch, xây dựng, hành lang ATGT đường bộ. Hoàn thiện việc đặt tên các tuyến đường trên địa bàn thị trấn Kon Đông. Hoàn tất hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Kon Đông; quy hoạch chi tiết trung tâm thương mại huyện và một số khu dân cư tại thị trấn Kon Đông. Tiếp tục triển khai điều chỉnh quy hoạch và mở rộng Cụm CN-TTCN huyện lên 75 ha.

2. Văn hóa - Xã hội:

Tập trung nâng cao chất lượng và đổi mới tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, tỉnh, huyện và các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của địa phương, trọngt âm tuyên truyền Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Thực hiện việc tinh giản biên chế theo quy định. Tiếp tục thực hiện mô hình lớp học bán trú dân nuôi tại trường TH&THCS Đak Jơ Ta; Xây dựng Đề án thành lập Trường PTDTBT THCS Kon chiêng, hoạt động từ năm học 2021-2022. Tiếp tục nâng cao hiệu quả giáo dục, chất lượng mũi nhọn và các phong trào thi đua năm học 2020-2021, 2021-2022. Tập trung đầu tư nâng cấp CSVC trường lớp, xây dựng thêm 01 trường học đạt chuẩn quốc gia⁶⁰.

Tiếp tục tăng cường và nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ y, bác sỹ trong công tác khám chữa bệnh; công tác phòng chống dịch bệnh và kiểm soát dịch bệnh trên địa bàn, duy trì công tác Dân số - KHHGĐ. Triển khai kế hoạch công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện.

Tiếp tục rà soát và giải quyết các chế độ cho đối tượng chính sách, người có công, đối tượng BTXH đang hưởng trợ cấp tại các xã, thị trấn. Triển khai các công tác

⁶⁰ Trường TH Kon Thụp, TH thị trấn Kon Đông số 2 (Đề xuất Sở GD&ĐT Gia Lai xây dựng Trường THCS&THPT Kpă Klong đạt chuẩn quốc gia).

nhằm mục tiêu giám hộ đói, xóa hộ nghèo trên địa bàn huyện. Triển khai kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2021.

Tăng cường công tác tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc và Đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng Kế hoạch thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc UBND các xã, thị trấn tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các chương trình, chính sách dân tộc và các chương trình, chính sách dân tộc khác trên địa bàn huyện. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng thi công các công trình và việc thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, hỗ trợ cho ĐBDTTS và vùng ĐBKK, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đầu tư cho đồng bào.

3. Nội chính:

Tăng cường tổ chức lực lượng chức năng nắm tình hình địa bàn; vận động, tuyên truyền, phòng chống người ĐBDTTS trốn ra nước ngoài. Lực lượng CSGT tăng cường công tác tuần tra kiểm soát, xử lý các trường hợp vi phạm nhằm kiềm chế TNGT. Tiếp tục mở đợt tấn công trấn áp tội phạm, bảo vệ ANTT trên địa bàn huyện; tập trung giải quyết các vụ việc còn tồn đọng, không để xảy ra tội phạm hình sự nghiêm trọng. Tăng cường công tác thu hồi vũ khí, vật liệu nổ trên địa bàn.

Duy trì nghiêm chế độ trực chỉ huy trực SSCĐ ở các cấp, tổ chức tuần tra kiểm soát đảm bảo ANCT-TTATXH trên địa bàn. Chuẩn bị các điều kiện đảm bảo công tác giao quân, công tác huấn luyện cho các lực lượng theo kế hoạch trong năm 2021.

Duy trì, thực hiện tốt công tác tiếp công dân và chủ động giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân bảo đảm đúng thời gian theo luật định. Tiến hành thanh tra theo kế hoạch đã được phê duyệt.

Thực hiện công tác chứng thực, hộ tịch theo quy định của pháp luật. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác Tư pháp, văn bản quy phạm pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật và phổ biến giáo dục pháp luật theo kế hoạch và giải quyết một số công việc khác theo thẩm quyền.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân bảo vệ rừng. Chỉ đạo Tổ công tác 12 các xã thường xuyên nắm bắt thông tin, kiểm tra, kiểm soát ngăn chặn các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp trên địa bàn huyện.

Tiếp tục thực hiện công tác tổ chức, quản lý, sử dụng, sắp xếp, bố trí, thuyên chuyển, đề bạt, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, nâng lương các cơ quan chuyên môn và chính quyền cơ sở năm 2021. Để cải cách hành chính năm 2021, nhất là việc khắc phục những tồn tại hiện nay trong thực hiện Kế hoạch CCHC của tỉnh.

4. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2021:

4.1 Các chỉ tiêu kinh tế: Trên cơ sở Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, dự ước năm 2021 đạt được các mục tiêu, dự kiến các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 như sau:

- Tốc độ tăng GTSX năm 2021 (giá so sánh 2010): 8,71%.

| | |
|--|------------------|
| + Nông, lâm nghiệp tăng: | 6,7%. |
| + CN, xây dựng tăng: | 6,17%. |
| + Dịch vụ tăng: | 14,60%. |
| - Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành): | |
| + Nông, lâm nghiệp và thủy sản: | 41,84%. |
| + Công nghiệp và xây dựng: | 32,10%. |
| + Dịch vụ: | 26,05%. |
| - Tổng diện tích cây trồng toàn huyện: | 24.245,6 ha. |
| Trong đó: + Lúa cả năm: | 4.205 ha. |
| + Cây dược liệu: | 13 ha. |
| + Cây ăn quả: | 2.680 ha. |
| - Tổng đàn gia súc: | 50.050 con. |
| - Tổng thu ngân sách trên địa bàn: | 341,433 tỷ đồng. |

Trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn: 23,51 tỷ đồng, riêng thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 8,0 tỷ đồng (phần đất thu thêm 02 tỷ tiền Sử dụng đất).

4.2. Các chỉ tiêu xã hội:

| | |
|--|------------------|
| - Dân số trung bình: | 71.009 người. |
| - Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: | 1,45%. |
| - Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt: | 31,8%. |
| - Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới: | 7,85%. |
| - Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo: | 2,0%. |
| - Tổng số học sinh có mặt đầu năm học: | 18.799 học sinh. |
| - Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia: 24 trường (tăng 01 trường đạt chuẩn quốc gia năm 2021: Trường Tiểu học Kon Thụp, trường Tiểu học thị trấn Kon Đong số 2). | |
| - Tiêu chí nông thôn mới: | |
| + Giữ vững và nâng cao các tiêu chí đối với 4 xã đạt chuẩn nông thôn mới: 04/04 xã. | |
| + Số làng đạt chuẩn nông thôn mới trong vùng ĐBDTTS trong năm 2021: 03 làng (làng Ktu, thị trấn Kon Đong, làng Groi xã Kon Thụp, làng Roh xã Lơ Pang). | |
| + Thành lập mới thêm: 04 HTX. | |
| - Tỷ lệ người tham gia các loại BHYT: | 89,39%. |
| - Số hộ được công nhận gia đình văn hóa mới: | 420 hộ. |

4.3. Môi trường:

- Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom: 98,8%.
- Tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh: 98%.
- Tỷ lệ dân cư thành thị được cung cấp nước sạch: 58%.
- Tỷ lệ che phủ rừng (kể cả cây cao su, bời lùi): 50,05%.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác năm 2020 và chương trình công tác năm 2021 của UBND huyện Mang Yang./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- Sở KH&ĐT tỉnh (B/c);
- Cục Thông kê tỉnh (B/c);
- TT. Huyện ủy (B/c);
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQ, các đoàn thể huyện;
- Ban Kinh tế - XH (HĐND huyện);
- Văn phòng Huyện ủy;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Lê Trọng

Biểu số 1

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2020, CHỈ TIÊU, KẾ HOẠCH NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số: 655/BC-UBND ngày 10/2/2020 của UBND huyện Mang Yang)

| STT | CHỈ TIÊU | ĐVT | Năm 2020 | | Tốc thực | So sánh % | Kế hoạch | Ghi chú |
|-----|--|--------|----------|-----------|----------|-----------|----------|-----------|
| | | | NQ | Thực hiện | | | | |
| A | B | C | D | E | F | G | H | I |
| 1 | Các chỉ tiêu kinh tế | | | | | | | |
| | Tốc độ tăng trưởng GTSX bq | % | 18,88 | 18,48 | 18,48 | 97,9 | 8,71 | Không đạt |
| 1 | + Nông - lâm nghiệp | % | 14,89 | 13,92 | 13,92 | 93,5 | 6,70 | |
| | + Công nghiệp - Xây dựng | % | 27,49 | 27,49 | 27,49 | 100,0 | 6,17 | |
| | + Dịch vụ | % | 15,70 | 15,70 | 15,70 | 100,0 | 14,60 | |
| 2 | Cơ cấu kinh tế | % | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,0 | 100,0 | Đạt |
| | + Nông - lâm nghiệp | % | 43,03 | 43,15 | 42,71 | 99,2 | 41,84 | |
| | + Công nghiệp - Xây dựng | % | 32,70 | 32,78 | 32,89 | 100,6 | 32,10 | |
| | + Dịch vụ | % | 24,27 | 24,07 | 24,41 | 100,6 | 26,05 | |
| 3 | Tổng thu NSNN trên địa bàn: | Tr.đ | 29.500 | 33.200 | 35.890 | 121,7 | 23.500 | Vượt |
| | - Thu cân đối ngân sách | Tr.đ | 16.580 | 13.892 | 15.460 | 93,2 | 15.510 | Không đạt |
| | - Thu tiền sử dụng đất | Tr.đ | 10.530 | 12.015 | 12.500 | 118,7 | 8,00 | Vượt |
| 4 | Trồng trọt | | | | | | | |
| | Tổng sản lượng lương thực có hạt | Tấn | 18.714,0 | 18.128,3 | 18.759,0 | 100,2 | 18.782,5 | Vượt |
| | Tổng DT cây trồng | Ha | 24.210,0 | 23.384,9 | 24.210,9 | 100,0 | 24.245,6 | Vượt |
| | Lúa c้า năm: | Ha | 4.285 | 4.206,1 | 4.302,0 | 100,4 | 4.205 | Vượt |
| 4 | Lúa Đông - Xuân | Ha | 1.055 | 1.051,0 | 1.051,0 | 99,6 | 1.055 | Không đạt |
| | Diện tích cây cà phê | Ha | 4.387,0 | 4.494,6 | 4.494,6 | 102,5 | 4.494,5 | Vượt |
| | Diện tích cà phê tái canh | Ha | 30 | 82,9 | 82,9 | 276,3 | 30 | Vượt |
| | Diện tích cây hồ tiêu | Ha | 1.850 | 1.739,2 | 1.739,2 | 94,0 | 1.739 | Không đạt |
| | Diện tích cây cao su | Ha | 872 | 805,5 | 805,5 | 92,4 | 805,5 | Không đạt |
| 5 | Chăn nuôi | | | | | | | |
| | Tổng đàn bò | Con | 25.000 | 23.838,0 | 23.838,0 | 95,4 | 25.500 | Không đạt |
| | Tổng đàn heo | Con | 30.000 | 21.000,0 | 21.000,0 | 70,0 | 23.000 | Không đạt |
| 6 | Độ che phủ rừng (Theo NQ 100) | % | 47,30 | 49,2 | 49,2 | 104,0 | 49,80 | Vượt |
| | Độ che phủ rừng (kể cả cây cao su, cây bời lời) | % | 50,50 | 50,50 | 50,5 | 100,0 | 50,65 | Vượt |
| | Diện tích trồng rừng tập trung | Ha | 80 | 83,65 | 84,72 | 105,9 | 100 | Vượt |
| 7 | Xây dựng cảnh quan nông thôn mới (chuỗi giá trị) | C.đồng | 4 | 3 | 3 | 75,0 | | Không đạt |
| 8 | Thành lập mới HTX | HTX | 3 | 4 | 4 | 133,3 | 4 | Vượt |
| 9 | Thành lập Doanh nghiệp | DN | 5 | 23 | 23 | 460,0 | | Vượt |
| 10 | Xây dựng nông thôn mới | | | | | | | |
| | Bình quân tiêu chí đạt/ xã | T.Chí | 13,5 | 12,40 | 12,40 | 91,9 | | Không đạt |
| | Làng Nông thôn mới | Làng | 2 | 0 | 2 | 100,0 | 3 | Đạt |
| II | Các chỉ tiêu xã hội | | | | | | | |
| 1 | Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên | % | 1,55 | 1,5 | 1,5 | 96,8 | 1,45 | Vượt |
| 2 | Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân | % | 4,5 | 3,82 | 3,82 | 84,9 | 2,0 | Không đạt |
| 3 | Giảm tỷ lệ hộ nghèo là ĐBDTTS | % | 7,0 | 5,90 | 5,90 | 84,3 | | Không đạt |
| 4 | Tỷ lệ lao động qua đào tạo | % | 29,6 | 30,15 | 30,75 | 103,9 | 31,8 | Vượt |
| 5 | Tỷ lệ hộ dùng điện | % | 99 | 99,5 | 99,5 | 100,5 | 100 | Vượt |
| 6 | Tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh | % | 97 | 97,8 | 97,8 | 100,8 | 98 | Vượt |
| 7 | Số xã đạt Tiêu chí QG về y tế công nhận mới | Xã | 2 | 0 | 1 | 50,0 | 1 | Không đạt |
| 8 | Số Bác sĩ/1 vạn dân | Bs/lvd | 4 | 3,3 | 3,3 | 82,5 | 4 | Không đạt |
| 9 | Tỷ lệ người dân tham gia BHYT | % | 91,05 | 90,02 | 90,02 | 98,9 | 91,05 | Không đạt |
| 10 | Huy động trẻ em 5 tuổi đến lớp | % | 100,0 | 100 | 100 | 100,0 | 100,0 | Đạt |
| 11 | Số trường đạt chuẩn quốc gia (xây dựng mới) | Trường | 3 | 1 | 4 | 133,3 | 1 | Vượt |

Biểu số 2

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN THỰC HIỆN NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số: 655/BC-UBND ngày 10/12/2020 của UBND huyện Mang Yang)

| STT | CHỈ TIÊU | ĐVT | Thực hiện năm 2019 | Năm 2020 | | So sánh % TH/KH | So sánh với cùng kỳ (%) | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|-------|-----------------------|----------|-----------|--------------------|-------------------------------|------------|
| | | | | Kế hoạch | Thực hiện | | | |
| A | B | C | I | 2 | 3 | 4=3/2 | 5=3/I | 7,0 |
| I | Tốc độ tăng GTSX bq | % | 16,18 | 18,88 | 18,48 | -0,41 | 2,30 | |
| | + Nông - lâm nghiệp | % | 10,20 | 14,89 | 13,92 | -0,97 | 3,72 | |
| | + Công nghiệp - Xây dựng | % | 25,94 | 27,49 | 27,49 | 0,00 | 1,55 | |
| | + Dịch vụ | % | 16,00 | 15,70 | 15,70 | 0,00 | -0,30 | |
| II | Cơ cấu kinh tế | % | 100,00 | 100,00 | 100,00 | | | |
| | + Nông - lâm nghiệp | % | 44,26 | 43,03 | 42,71 | -0,33 | -1,55 | |
| | + Công nghiệp - Xây dựng | % | 30,90 | 32,70 | 32,89 | 0,19 | 1,98 | |
| | + Dịch vụ | % | 24,84 | 24,27 | 24,41 | 0,14 | -0,43 | |
| III | Thu, chi ngân sách: | | | | | | | |
| 1 | Tổng thu NSNN: | Tr.đ | 381.804 | 318.304 | 392.697,3 | 123,4 | 102,9 | |
| | - Thu bù sung ngân sách cấp trên | Tr.đ | 318.567 | 291.194 | 339.619,3 | 116,6 | 106,6 | |
| | - Thu cân đối NS | Tr.đ | 14.534 | 16.580 | 13.892,2 | 83,8 | 95,6 | |
| | - Thu quản lý qua quỹ ngân sách | Tr.đ | 217 | | 159,0 | | 73,3 | |
| | - Thu chuyển nguồn | Tr.đ | 42.739 | | 23.166,2 | | 54,2 | |
| | - Thu kết dư năm trước | Tr.đ | | | 3.845,7 | | | |
| | - Thu tiền sử dụng đất | Tr.đ | 5.747 | 10.530 | 12.015 | 114,1 | 209,1 | |
| 2 | Tổng chi NSNN: | Tr.đ | 272.841 | 318.304 | 311.883,7 | 98,0 | 114,3 | |
| | - Chi đầu tư phát triển (XDCB) | Tr.đ | 27.131 | 23.930 | 30.843,0 | 128,9 | 113,7 | |
| | - Chi thường xuyên | Tr.đ | 183.244 | 288.598 | 192.374,0 | 66,7 | 105,0 | |
| | - Chi quản lý qua quỹ ngân sách | Tr.đ | - | | | | | |
| | - Chi nộp ngân sách cấp trên | Tr.đ | | | 1.813,0 | | | |
| | - Chi trợ cấp cho cấp xã | Tr.đ | 62.466 | 53.226 | 82.454,7 | 154,9 | 132,0 | |
| | - Dự phòng | Tr.đ | 2.728 | 5.776 | 4.399,0 | 76,2 | 161,3 | |
| 1 | Tổng sản lượng lương thực có hạt | Tấn | 18.010,6 | 18.714 | 18.758,9 | 100,24 | 104,2 | |
| | Tổng diện tích cây trồng | Ha | 23.939,0 | 24.210,0 | 24.210,9 | 100,00 | 101,1 | |
| | Tổng DT gieo trồng | Ha | 11.550,6 | 10.557,0 | 11.071,0 | 104,87 | 95,8 | |
| | Vụ Đông - Xuân | Ha | 1.274,0 | 1.210,0 | 1.234,5 | 102,02 | 96,9 | |
| | Vụ Mùa | Ha | 10.276,6 | 9.347,0 | 9.836,5 | 105,24 | 95,7 | |
| 2 | Cây lương thực | Ha | 4.623,6 | 4.725,0 | 4.761,5 | 100,77 | 103,0 | |
| 2.1 | Lúa că nǎm: | Ha | 4.206,1 | 4.285,0 | 4.302,0 | 100,40 | 102,3 | |
| | - Năng suất | Tạ/ha | 38,64 | 39,1 | 37,4 | 95,63 | 96,9 | |
| | - Sản lượng | Tấn | 16.252,8 | 16.774,9 | 16.105,9 | 96,01 | 99,1 | |
| a | Lúa đông xuân | Ha | 1.049,0 | 1.055,0 | 1.051,0 | 99,62 | 100,2 | |
| | - Năng suất | Tạ/ha | 50,2 | 51,7 | 51,3 | 99,30 | 102,2 | |
| | - Sản lượng | Tấn | 5.266,0 | 5.450,1 | 4.761,0 | 87,36 | 90,4 | |
| b | Lúa nước vụ mùa | Ha | 3000 | 3.090,0 | 3090 | 100,00 | 103,0 | |
| | - Năng suất | Tạ/ha | 36,02 | 36,1 | 36,1 | 99,96 | 100,2 | |
| | - Sản lượng | Tấn | 10.806 | 11.159,5 | 11.154,9 | 99,96 | 103,2 | |
| c | Lúa cạn vụ mùa | Ha | 157,1 | 140,0 | 161 | 115,00 | 102,5 | |
| | - Năng suất | Tạ/ha | 11,51 | 11,8 | 11,8 | 100,00 | 102,5 | |
| | - Sản lượng | Tấn | 180,8 | 165,2 | 190,0 | 115,00 | 105,1 | |
| 2.2 | Ngô că nǎm | Ha | 417,5 | 440,0 | 459,5 | 104,43 | 110,1 | |
| | - Năng suất | Tạ/ha | 42,1 | 44,1 | 57,7 | 131,02 | 137,1 | |

| STT | CHỈ TIÊU | ĐVT | Thực hiện năm 2019 | Năm 2020 | | So sánh % TH/KH | So sánh với cùng kỳ (%) | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|-----------|-----------------------|----------------|----------------|--------------------|-------------------------------|------------|
| | | | | Kế hoạch | Thực hiện | | | |
| A | B | C | I | 2 | 3 | 4=3/2 | 5=3/I | 7,0 |
| | - Sản lượng | Tấn | 1.757,8 | 1.939,0 | 2.653,1 | 136,83 | 150,9 | |
| | Ngô Vụ Đông - Xuân | Ha | 22,5 | 30,0 | 6,5 | 21,67 | 28,9 | |
| a | - Năng suất | Tạ/ha | 42,0 | 45,0 | 45,0 | 100,00 | 107,1 | |
| | - Sản lượng | Tấn | 94,5 | 135,0 | 29,3 | 21,67 | 31,0 | |
| | Ngô Vụ Mùa | Ha | 395 | 410,0 | 453 | 110,49 | 114,7 | |
| b | - Năng suất | Tạ/ha | 42,11 | 44,0 | 44 | 100,00 | 104,5 | |
| | - Sản lượng | Tấn | 1.663,3 | 1.804,0 | 1.993,2 | 110,49 | 119,8 | |
| | Ngô lai | Ha | 396,6 | 389,5 | 430,4 | 110,49 | 108,5 | |
| c | - Năng suất | Tạ/ha | 42,1 | | | | - | |
| | - Sản lượng | Tấn | 1669,8 | | 630,6 | | 37,8 | |
| 3 | Cây tinh bột có củ | Ha | 4.541 | 4.340,0 | 4.564,0 | 105,16 | 100,5 | |
| | Mỳ | Ha | 4.354,0 | 4.300,0 | 4.503,0 | 104,72 | 103,4 | |
| | - Năng suất | Tạ/ha | 158,1 | 161,48 | 161,49 | 100,00 | 102,1 | |
| | - Sản lượng | Tấn | 68.845 | 69.438,3 | 72.716,7 | 104,72 | 105,6 | |
| | Mỳ Đông - Xuân | Ha | 45,0 | 45,0 | 45,0 | 100,00 | 100,0 | |
| 3.1 | - Năng suất | Tạ/ha | 160,0 | 160,0 | 160,0 | 100,00 | 100,0 | |
| | - Sản lượng | Tấn | 720,0 | 720,0 | 720,0 | 100,00 | 100,0 | |
| | Mỳ Vụ Mùa | Ha | 4.309 | 4.255,0 | 4.458 | 104,77 | 103,5 | |
| | - Năng suất | Tạ/ha | 158,1 | 161,5 | 161,5 | 100,00 | 102,2 | |
| | - Sản lượng | Tấn | 68.125,3 | 68.718,3 | 71.996,7 | 104,77 | 105,7 | |
| | Khoai lang | Ha | 187,0 | 40,0 | 61,0 | 152,50 | 32,6 | |
| | Vụ ĐX | Ha | 0 | - | 0 | | | |
| 3.2 | Vụ Mùa | Ha | 187 | 40,0 | 61 | 152,50 | 32,6 | |
| | - Năng suất | Tạ/ha | 140,90 | 100,0 | 100,0 | 100,00 | 71,0 | |
| | - Sản lượng | Tấn | 2634,83 | 400,0 | 610,0 | 152,50 | 23,2 | |
| 4 | Cây thực phẩm | Ha | 430,0 | 420,0 | 560,0 | 133,33 | 130,2 | |
| | Đậu các loại | Ha | 104,0 | 100,0 | 111,0 | 111,00 | 106,7 | |
| 4.1 | - Năng suất | Tạ/ha | 7,90 | 8,5 | 8,50 | 100,00 | 107,6 | |
| | - Sản lượng | Tấn | 82,2 | 85,0 | 94,4 | 111,00 | 114,8 | |
| | Rau các loại | Ha | 326,0 | 320,0 | 449,0 | 140,31 | 137,7 | |
| | - Năng suất | Tạ/ha | 122,6 | 125,3 | 125,4 | 100,12 | 102,3 | |
| | - Sản lượng | Tấn | 3.997,7 | 4.008,0 | 5.630,7 | 140,49 | 140,8 | |
| | Vụ Đông - Xuân | Ha | 91,0 | 80,0 | 120,0 | 150,00 | 131,9 | |
| 4.2 | - Năng suất | Tạ/ha | 132,0 | 132,0 | 132,0 | 100,00 | 100,0 | |
| | - Sản lượng | Tấn | 1.201,2 | 1.056,0 | 1.584,0 | 150,00 | 131,9 | |
| | Vụ Mùa | Ha | 235 | 240,0 | 329 | 137,08 | 140,0 | |
| | - Năng suất | Tạ/ha | 119,0 | 123,0 | 123,0 | 100,00 | 103,4 | |
| | - Sản lượng | Tấn | 2.796,5 | 2.952,0 | 4.046,7 | 137,08 | 144,7 | |
| 5 | Cây công nghiệp ngắn ngày | Ha | 105,1 | 70,0 | 146,0 | 208,57 | 138,9 | |
| 5.1 | Lạc | Ha | 69,0 | 70,0 | 94,0 | 134,29 | 136,2 | |
| | - Năng suất | Tạ/ha | 11,60 | 12,1 | | 0,00 | - | |
| | - Sản lượng | Tấn | 80,04 | 84,7 | | 0,00 | - | |

| STT | CHỈ TIÊU | ĐVT | Thực hiện năm 2019 | Năm 2020 | | So sánh % TH/KH | So sánh với cùng kỳ (%) | Ghi chú |
|-----|------------------------------------|-------|-----------------------|----------|-----------|--------------------|-------------------------------|------------|
| | | | | Kế hoạch | Thực hiện | | | |
| A | B | C | I | 2 | 3 | 4=3/2 | 5=3/I | 7,0 |
| 5.2 | Cây gừng | ha | 36,1 | - | 52,0 | | 144,0 | |
| | - Năng suất | Tạ/ha | 35,0 | | 35,0 | | 100,0 | |
| | - Sản lượng | Tấn | 126,4 | | 182,0 | | 144,0 | |
| 6 | Cây CN khác (hoa, cây cảnh, cỏ...) | Ha | 350,0 | 250,0 | 358,5 | 143,40 | 102,4 | |
| | Vụ ĐX | Ha | 66,5 | - | 0,0 | | - | |
| | Vụ Mùa | Ha | 283,5 | 250,0 | 358,5 | 143,40 | 126,5 | |
| 7 | Cây công nghiệp dài ngày | Ha | 7.239,9 | 7.201,0 | 7.162,5 | 99,47 | 98,9 | |
| 7.1 | Cao su | Ha | 872,0 | 872,0 | 805,5 | 92,37 | 92,4 | |
| a | Trong đó: Đại diện | Ha | 478,0 | 478,0 | 342,3 | 71,61 | 71,6 | |
| | Trồng mới (TM + tái canh) | Ha | 0,00 | - | | | | |
| | Diện tích cho sản phẩm | Ha | 478,00 | 478,0 | 342,3 | 71,61 | 71,6 | |
| | NS | Tạ/ha | 12,4 | 13,7 | | 0,00 | - | |
| | SL (mù khô) | Tấn | 592,7 | 654,9 | | 0,00 | - | |
| b | Tiêu diện | Ha | 394,0 | 394,0 | 463,2 | 117,56 | 117,6 | |
| | Trồng mới (TM + tái canh) | Ha | 1,5 | | | | - | |
| | Diện tích cho sản phẩm | Ha | 392,5 | 394,0 | 463,2 | 117,56 | 118,0 | |
| | NS | Tạ/ha | 12,4 | 13,7 | | 0,00 | - | |
| | SL (mù khô) | Tấn | 486,7 | 539,8 | | 0,00 | - | |
| 7.2 | Cà phê | Ha | 4.387,0 | 4.387,0 | 4.494,6 | 102,45 | 102,5 | |
| a | Trồng mới (TM + tái canh) | Ha | 277,4 | 30,0 | 190,5 | 635,00 | 68,7 | |
| | Trong đó tái canh | Ha | 85,4 | 30,0 | 82,9 | 276,33 | 97,1 | |
| | Trồng mới | Ha | 192,0 | - | 107,6 | | 56,0 | |
| b | CSCB | Ha | 581,0 | 216,0 | 216,0 | 100,00 | 37,2 | |
| c | Kinh doanh | Ha | 3.528,6 | 4.171,0 | 4.171,0 | 100,00 | 118,2 | |
| | NS | Tạ/ha | 26,0 | 29,1 | 29,1 | 100,00 | 111,9 | |
| | SL (cà phê nhân) | Tấn | 9.174,4 | 12.137,6 | 12.137,6 | 100,00 | 132,3 | |
| 7.3 | Điều | Ha | 50,0 | 50,0 | 50,0 | 100,00 | 100,0 | |
| a | Trồng mới | Ha | 0,0 | - | | | | |
| b | CSKTCB | Ha | 0,0 | - | | | | |
| c | Kinh doanh | Ha | 50,0 | 50,0 | 50,0 | 100,00 | 100,0 | |
| | - Năng suất | Tạ/ha | 7,5 | 7,5 | | 0,00 | - | |
| | - Sản lượng | Tấn | 37,5 | 37,5 | | 0,00 | - | |
| 7.4 | Cây tiêu | Ha | 1.827,8 | 1.850,0 | 1.739,2 | 94,01 | 95,2 | |
| a | Trồng mới (TM + tái canh) | Ha | 18,00 | 22,0 | 19,00 | 86,36 | 105,6 | |
| b | - Trong đó tái canh | | 0,0 | - | 0,0 | | | |
| c | CSKTCB | Ha | 214,00 | 314,2 | 314,2 | 100,00 | 146,8 | |
| d | Kinh doanh | Ha | 1.595,80 | 1.513,8 | 1.406,00 | 92,88 | 88,1 | |
| | - Năng suất | Tạ/ha | 39,00 | 39,0 | 39,00 | 100,00 | 100,0 | |
| | - Sản lượng | Tấn | 6.223,6 | 5.903,8 | 5.483,4 | 92,88 | 88,1 | |
| 7.5 | Cây Dâu Tằm | Ha | 66,40 | - | 36,50 | | 55,0 | |
| | Đông Xuân | | | | 12,00 | | | |
| | Vụ Mùa | | | | 24,50 | | | |

| STT | CHỈ TIÊU | ĐVT | Thực hiện năm 2019 | Năm 2020 | | So sánh % TH/KH | So sánh với cùng kỳ (%) | Ghi chú |
|------|---|-------|-----------------------|----------|-----------|--------------------|-------------------------------|------------|
| | | | | Kế hoạch | Thực hiện | | | |
| A | B | C | I | 2 | 3 | 4=3/2 | 5=3/I | 7,0 |
| | - Năng suất | Tạ/ha | | | | | | |
| | - Sản lượng | Tấn | | | | | | |
| 7.6 | Cây Sa Chi™ | Ha | 36,70 | 42,0 | 36,7 | 87,38 | 100,0 | |
| | Trồng mới | | | | 0,00 | | | |
| | - Năng suất | Tạ/ha | | | | | | |
| | - Sản lượng | Tấn | | | | | | |
| 8 | Cây ăn quả tổng số | Ha | 2.245,9 | 2.449,0 | 2.171,9 | 88,69 | 96,7 | |
| | Cây Chanh dây | Ha | 509,0 | 600,0 | 364,0 | 60,67 | 71,5 | |
| a | - Tái canh | Ha | 93,0 | 509,0 | 364,0 | 71,51 | 391,4 | |
| | - Trồng mới | Ha | 86,5 | 91,0 | | 0,00 | - | |
| | - Diện tích cho sản phẩm | Ha | 509,0 | 600,0 | 364,0 | 60,67 | 71,5 | |
| | - Năng suất | Tạ/ha | 300,00 | 350,0 | 350,00 | 100,00 | 116,7 | |
| | - Sản lượng | Tấn | 15.270,0 | 21.000,0 | 12.740,0 | 60,67 | 83,4 | |
| b | Cây ăn quả khác (HA 1256,2 ha) | Ha | 1.736,9 | 1.849,0 | 1.807,9 | 97,78 | 104,1 | |
| | -Trong đó: trồng mới | Ha | 595,9 | 100,0 | 71,0 | 71,00 | 11,9 | |
| 9 | Cây Bời Lời (Trên đất nn) | Ha | 3.706,0 | 4.027,0 | 3.789,0 | 94,09 | 102,2 | |
| | Trđó: Tái canh +TM | Ha | 205,0 | - | 316,0 | | 154,1 | |
| 10 | Keo, bạch đàn (trên đất NN) | Ha | 697,5 | 728,0 | 697,5 | 95,81 | 100,0 | |
| | trong đó: Trồng mới | Ha | 122,0 | - | | | - | |
| V | Chăn nuôi | | | | | | | |
| | Tổng đàn | Con | 187.080 | 193.800 | 184.269 | 95,08 | 98,5 | |
| a | + Đàn bò | Con | 23.330 | 25.000 | 23.838 | 95,35 | 102,2 | |
| | -Trđó: Bò sữa của Nutifood: | Con | 6.000 | 6.000 | 7.000 | 116,67 | 116,7 | |
| | Trong đó: Bò lai toàn huyện | Con | 17.000 | 15.600 | | | - | |
| | Tỷ lệ bò lai toàn huyện chiếm | % | 72,9 | 62,4 | | | - | |
| b | + Đàn Trâu | Con | 1.480 | 1.500 | 1.537 | 102,47 | 103,9 | |
| c | + Đàn heo | Con | 29.000 | 30.000 | 21.000 | 70,00 | 72,4 | |
| | Trong đó: Heo Lai | Con | 17.000 | 17.271 | 12.090 | 70,00 | 71,1 | |
| d | + Đàn gia cầm | Con | 131.000 | 135.000 | 135.000 | 100,00 | 103,1 | |
| e | + Ngựa, dê | Con | 2.270 | 2.300 | 2.894 | 125,83 | 127,5 | |
| VI | Tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh | % | 96 | 97,0 | 97,8 | 100,82 | 101,9 | |
| VII | Diện tích trồng rừng trong năm | Ha | 105,91 | 80 | 84,72 | 105,90 | 80,0 | |
| VIII | Độ che phủ rừng (theo NQ 100) | % | 47,30 | 49,2 | 49,2 | 104,0 | 104,0 | |
| | Độ che phủ rừng (kè cả cao su, bời lùi) | % | 50,50 | 50,50 | 50,5 | 100,0 | 100,0 | |
| IX | Tỷ lệ hộ dùng điện | % | 99 | 99,5 | 99,5 | 100,0 | 101 | |
| X | XD cánh đồng lớn (Chuỗi giá trị) | Chuỗi | 1 | 4 | 3 | 75,00 | 300,0 | |
| XI | Xã hoàn thành NTM | Xã | 1 | 1 | 1 | 100,00 | 100,0 | |
| | Bình quân tiêu chí đạt/xã | % | 11,18 | 13,5 | 12,4 | 91,85 | 110,9 | |
| | Làng Nông thôn mới | Làng | 2 | 2 | 2 | 100,00 | 100,0 | |
| XII | Thành lập Hợp tác xã | HTX | 2 | 3 | 4 | 133,33 | 200,0 | |
| | Thành lập Doanh nghiệp | DN | 9 | 5 | 23 | 460,00 | 255,6 | |

| STT | CHỈ TIÊU | ĐVT | Thực hiện năm 2019 | Năm 2020 | | So sánh % TH/KH | So sánh với cùng kỳ (%) | Ghi chú |
|---|--------------------------------|--------------|-----------------------|---------------|---------------|--------------------|-------------------------------|---------------------|
| | | | | Kế hoạch | Thực hiện | | | |
| A | B | C | I | 2 | 3 | 4=3/2 | 5=3/I | 7,0 |
| XIII Y tế: | | | | | | | | |
| 1 | Số xã đạt Tiêu chí QG về y tế | Xã | 7 | 9,0 | 8 | 88,89 | 114,3 | |
| | Trong đó xây dựng mới | Xã | | 2,0 | 1 | 50 | | |
| 2 | - Số giường bệnh | Giường | 135 | 135,0 | 135 | 100 | 100,0 | |
| 3 | - Số Bác sĩ/l vạn dân | Bs/lvd | 3,5 | 4,0 | 3,3 | 82,5 | 94,3 | |
| 4 | - Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên | % | 1,56 | 1,55 | 1,37 | 88,39 | 87,8 | |
| XIV Văn hoá | | | | | | | | |
| 1 | - Tổng số GDVH công nhận mới | Gia đình | 12.634 | 200,0 | | | | chưa đánh giá |
| 2 | - Tổng số làng văn hoá | Làng | 56 | 2,0 | | | | |
| 3 | - Tổng số công sở văn hoá | Công sở | 77 | 5,0 | | | | |
| XV Giáo dục: | | | | | | | | |
| 1 | Học sinh: | HS | 18.409 | 19.020 | 19.126 | 100,56 | 103,89 | |
| | - Mầm non | HS | 3.502 | 3.582 | 3.753 | 104,77 | 107,17 | |
| | - Tiểu học | HS | 8.305 | 8.331 | 8.287 | 99,47 | 99,78 | |
| | - Trung học cơ sở | HS | 4.956 | 5.585 | 5.551 | 99,39 | 112,01 | |
| | - Trung học phổ thông | HS | 1.646 | 1.522 | 1.535 | 100,85 | 93,26 | |
| 2 | Số lớp: | Lớp | 604 | 611 | 599 | 98,04 | 99,17 | |
| | - Mầm non | Lớp | 120 | 120 | 120 | 100 | 100 | |
| | - Tiểu học | Lớp | 312 | 312 | 301 | 96,47 | 96,47 | |
| | - Trung học cơ sở | Lớp | 139 | 147 | 146 | 99,32 | 105,04 | |
| | - Trung học phổ thông | Lớp | 33 | 32 | 32 | 100 | 96,97 | |
| 3 | Huy động trẻ em 5 tuổi đến lớp | % | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | |
| 4 | Số trường đạt chuẩn quốc gia | Trường | 18 | 22 | 19 | 86,36 | 105,56 | |
| | Trong đó xây dựng mới | Trường | 3 | 3 | 4 | 133,33 | 33,3 | |
| XVI Tỷ lệ người dân tham gia BHYT | | | | | | | | |
| | % | 88,7 | | 90,0 | 89,2 | 99 | 100,56 | |
| XVII Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân | | | | | | | | |
| | % | 5,57 | | 4,5 | 3,30 | 73 | 59,25 | |
| XVIII Tỷ lệ lao động qua đào tạo | | | | | | | | |
| | % | 29,43 | | 30,15 | 30,75 | 102 | 104,49 | |
| XIX Tăng bậc xếp hạng CCHC | | | | | | | | |
| | bậc | 2,00 | | 2,00 | 0,00 | 0 | 0 | |



¹
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mang Yang, ngày tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH, QP-AN năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MẠNG YANG KHÓA IV - KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Trên cơ sở xem xét các báo cáo, tờ trình của Thường trực HĐND huyện, UBND huyện; Thông báo của UBMTTQ huyện; Báo cáo của Viện Kiểm sát nhân dân huyện, Tòa án nhân dân huyện, Chi Cục thi hành án dân sự huyện; Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND huyện và ý kiến thống nhất của các vị đại biểu HĐND huyện tại Kỳ họp thứ Mười hai, HĐND huyện Khóa IV.

QUYẾT NGHĨ:

Điều 1. Tán thành báo cáo của UBND huyện về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH, QP-AN năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2021, cụ thể như sau:

I. Về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH,QP-AN năm 2020:

Trong năm 2020 được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của UBND tỉnh và Ban chấp hành Đảng bộ huyện; sự giám sát của HĐND huyện và sự phối, kết hợp của Mặt trận, các đoàn thể, nỗ lực của nhân dân trong toàn huyện, tình hình KT-XH, QP-AN trên địa bàn đạt được nhiều kết quả, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, an ninh chính trị được giữ vững. Cụ thể:

Năm 2020, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự chủ động, quyết liệt chi đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế; phòng, chống dịch Covid-19. Tình hình kinh tế - xã hội cơ bản duy trì ổn định. Các chỉ tiêu về sản xuất nông nghiệp, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, thu hút đầu tư, thu ngân sách (thu tiền sử dụng đất) đạt tiến độ kế hoạch. Công tác giải ngân vốn đầu tư xây dựng đạt tiến độ UBND tỉnh đề ra. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ. Công tác an sinh xã hội, hỗ trợ người có công, chăm sóc sức khỏe nhân dân, lao động, việc làm, giảm nghèo tiếp tục được quan tâm thực hiện. Công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất dạy và học được triển khai đồng bộ, công tác đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia được

quan tâm, đến nay toàn huyện có 19 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, chất lượng mũi nhọn giáo dục được quan tâm và bước đầu có hiệu quả.

Chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương. An ninh chính trị, an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo được duy trì ổn định; trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, chủ động nắm tình hình, ngăn chặn, triệt phá các tụ điểm đánh bạc, không để hình thành điểm nóng về an ninh trật tự. Công tác đấu tranh, giải quyết tà đạo “Hà Mòn” đạt kết quả tích cực, truy bắt hết 03 đối tượng lẩn trốn còn lại. Công tác tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với nhân dân được chú trọng, giải quyết cơ bản các vấn đề bức xúc xã hội, khiếu nại tố cáo phát sinh. Tai nạn giao thông được kéo giảm. Các cơ quan tư pháp huyện triển khai thực hiện hiệu quả công tác truy tố, xét xử, thi hành án theo quy định. Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô được đảm bảo.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Bên cạnh những việc làm được vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần tiếp tục chỉ đạo, thực hiện trong thời gian tới:

Năm 2020, Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, thiên tai, dịch bệnh, giá cả các mặt hàng nông sản chủ lực chưa có dấu hiệu phục hồi, đã tác động đến nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Một số chỉ tiêu dự ước không đạt Nghị quyết¹. Triển khai chuyển đổi cây ăn quả, cây dược liệu còn gặp nhiều khó khăn; các chuỗi liên kết giá trị sản phẩm nông nghiệp tiến độ chậm; một số Hợp tác xã hoạt động chưa hiệu quả còn nhiều. Quản lý xây dựng, quy hoạch được tăng cường, tuy nhiên, việc xử lý các trường hợp xây dựng không phép, trái phép còn chậm, chưa dứt điểm. Tiến độ xây dựng và triển khai các Phương án quan trọng trên lĩnh vực đất đai² gặp nhiều vướng mắc. Giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, nhất là việc duy trì sỹ số và sắp xếp giáo viên trong điều kiện chưa tuyển dụng được. Công tác phòng, chống bệnh sốt xuất huyết, bạch hầu hiệu quả chưa cao. Phát triển du lịch còn hạn chế. Công tác giảm nghèo còn nhiều khó khăn, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

An ninh nông thôn còn tiềm ẩn nhiều vấn đề phức tạp; phạm pháp hình sự, phạm pháp kinh tế có chiều hướng tăng. Tai nạn xã hội tăng cả số vụ, số người chết. Ý thức chấp hành Luật an toàn giao thông của người dân còn hạn chế, nhất là trong thanh thiếu niên. Tiến độ giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, một số vụ việc có thời điểm còn chậm. Vì phạm Luật lâm nghiệp, mặc dù quy mô, tính chất, mức độ vi phạm không bằng cùng kỳ năm 2019, tuy nhiên, số vụ vi phạm tăng cao (tăng 14 vụ) và công tác điều tra, xử lý đối tượng vi phạm còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương. Công tác thi hành án dân sự còn nhiều thiếu sót. Chưa giải quyết dứt điểm vụ khiếu kiện, tranh chấp đất đai tại xã Đak Jơ Ta; tội phạm hình sự chưa được kéo giảm, trong đó trộm cắp tài sản xảy ra còn nhiều nhưng công tác phòng ngừa với loại tội phạm này còn hạn chế.

¹ 08 chỉ tiêu: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất hàng năm; Tổng đàn gia súc; xây dựng chuỗi giá trị; Bình quân tiêu chí nông thôn mới; Tỷ lệ hộ nghèo; Số bác sĩ/vạn dân; Tỷ lệ xã đạt tiêu chí Quốc gia về Y tế; Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.

² Phương án sử dụng đất Công ty chè A Yun và việc di dời các nhà, lều quán trong rừng thông (Quốc lộ 19, xã Đak Ta Ley).

II. Phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2021:

Hội đồng nhân dân huyện thống nhất với các nhiệm vụ chủ yếu phải thực hiện trong năm 2021 mà UBND huyện đã đề ra tại Báo cáo số: 655/BC-UBND ngày 10/12/2020 và yêu cầu UBND huyện tăng cường chỉ đạo các ngành, các cấp nỗ lực thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch năm 2021 đã được HĐND huyện khóa IV, kỳ họp thứ Mười hai thông qua. Cụ thể trong năm 2021 cần phải thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Kinh tế:

Chuẩn bị kế hoạch sản xuất Đông - Xuân 2020-2021 và chỉ tiêu kế hoạch gieo trồng năm 2021. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã triển khai thực hiện các Dự án phát triển sản xuất liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm trên cây Lúa, Chanh leo và Cà phê. Triển khai thực hiện Dự án khuyến nông áp dụng giống lúa J02 vào sản xuất Đông xuân 2020 -2021, quy mô 50 ha, với kinh phí khoảng 2 tỷ đồng từ nguồn hỗ trợ phát triển sản xuất lúa, đảm bảo kịp thời vụ. Nâng cao tiêu chí 4 xã Nông thôn mới và xây dựng 03 làng đạt chuẩn NTM trong vùng ĐBDTTS.

Tăng cường kiểm tra, thẩm định hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân. Hoàn thiện phương án sử dụng đất của Cty chè Ayun.

Triển khai mô hình khoa học công nghệ 2021 trên địa bàn huyện. Xây dựng Kế hoạch kiểm tra định kỳ về quản lý chất lượng các công trình do UBND huyện quyết định đầu tư. Đôn đốc UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác quản lý quy hoạch, xây dựng, hành lang ATGT đường bộ. Hoàn thiện việc đặt tên các tuyến đường trên địa bàn thị trấn Kon Dơng. Hoàn tất hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Kon Dơng; quy hoạch chi tiết trung tâm thương mại huyện và một số khu dân cư tại thị trấn Kon Dơng. Tiếp tục triển khai điều chỉnh quy hoạch và mở rộng Cụm CN-TTCN huyện lên 75 ha.

2. Văn hóa - Xã hội:

Tập trung nâng cao chất lượng và đổi mới tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, tỉnh, huyện và các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của địa phương, trọngt âm tuyên truyền Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Thực hiện việc tinh giản biên chế theo quy định. Tiếp tục thực hiện mô hình lớp học bán trú dân nuôi tại trường TH&THCS Đak Jơ Ta; Xây dựng Đề án thành lập Trường PTDTBT THCS Kon chiêng, hoạt động từ năm học 2021-2022. Tiếp tục nâng cao hiệu quả giáo dục, chất lượng mũi nhọn và các phong trào thi đua năm học 2020-2021, 2021-2022. Xây dựng thêm 02 trường học đạt chuẩn quốc gia³.

³ Trường TH Kon Thụp, TH thị trấn Kon Dơng số 2 (Đề xuất Sở GD&ĐT Gia Lai xây dựng Trường THCS&THPT Kpă Klóng đạt chuẩn quốc gia).

Tiếp tục tăng cường và nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ y, bác sĩ trong công tác khám chữa bệnh; công tác phòng chống dịch bệnh và kiểm soát dịch bệnh trên địa bàn, duy trì công tác Dân số - KHHGĐ. Triển khai kế hoạch công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện.

Tiếp tục rà soát và giải quyết các chế độ cho đối tượng chính sách, người có công, đối tượng BTXH đang hưởng trợ cấp tại các xã, thị trấn. Triển khai các công tác nhằm mục tiêu giảm hộ đói, xóa hộ nghèo trên địa bàn huyện. Triển khai kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2021.

Tăng cường công tác tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc và Đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng Kế hoạch thực hiện Kết luận số: 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc UBND các xã, thị trấn tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các chương trình, chính sách dân tộc và các chương trình, chính sách dân tộc khác trên địa bàn huyện. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng thi công các công trình và việc thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, hỗ trợ cho ĐBDTTS và vùng ĐBKK, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đầu tư cho đồng bào.

3. Nội chính:

Tăng cường tổ chức lực lượng chức năng nắm tình hình địa bàn; vận động, tuyên truyền, phòng chống người ĐBDTTS trốn ra nước ngoài. Lực lượng CSGT tăng cường công tác tuần tra kiểm soát, xử lý các trường hợp vi phạm nhằm kiềm chế TNGT. Tiếp tục mở đợt tấn công trấn áp tội phạm, bảo vệ ANTT trên địa bàn huyện; tập trung giải quyết các vụ việc còn tồn đọng, không để xảy ra tội phạm hình sự nghiêm trọng. Tăng cường công tác thu hồi vũ khí, vật liệu nổ trên địa bàn.

Duy trì nghiêm chế độ trực chỉ huy trực SSCĐ ở các cấp, tổ chức tuần tra kiểm soát đảm bảo ANCT-TTATXH trên địa bàn. Chuẩn bị các điều kiện đảm bảo công tác giao quân, công tác huấn luyện cho các lực lượng theo kế hoạch trong năm 2021.

Duy trì, thực hiện tốt công tác tiếp công dân và chủ động giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân bảo đảm đúng thời gian theo luật định. Tiên hành thanh tra theo kế hoạch đã được phê duyệt.

Thực hiện công tác chứng thực, hộ tịch theo quy định của pháp luật. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác Tư pháp, văn bản quy phạm pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật và phổ biến giáo dục pháp luật theo kế hoạch và giải quyết một số công việc khác theo thẩm quyền.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân bảo vệ rừng. Chỉ đạo Tổ công tác 12 các xã thường xuyên nắm bắt thông tin, kiểm tra, kiểm soát ngăn chặn các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp trên địa bàn huyện.

Tiếp tục thực hiện công tác tổ chức, quản lý, sử dụng, sắp xếp, bố trí, thuyên chuyển, đề bạt, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, nâng lương các cơ quan chuyên môn và chính quyền cơ sở năm 2021. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác chuẩn bị và tiến hành bầu cử Đại biểu Quốc hội Khóa XV và Đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021 -

2026 theo quy định. Triển khai kế hoạch cải cách hành chính năm 2021, phấn đấu tăng 02 bậc chỉ số cải cách hành chính trên bảng xếp hạng chỉ số CCHC của tỉnh.

Điều 2. Giao UBND huyện tiếp thu những ý kiến, kiến nghị của các Ban HĐND và ý kiến đóng góp của các vị đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp thứ Mười hai - HĐND huyện khóa IV để chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện với sự nỗ lực, quyết tâm cao nhất nhằm đảm bảo hoàn thành thắng lợi kế hoạch phát triển KT-XH, QP-AN năm 2021 đã được kỳ họp thứ Mười hai thông qua.

Điều 3. Giao cho Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND huyện, các đại biểu HĐND huyện giám sát, đôn đốc UBND huyện, các ngành chức năng thực hiện Nghị quyết này và kịp thời giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri, kiến nghị của HĐND, các Ban HĐND và UBMTTQ huyện.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Mang Yang khóa IV, nhiệm kỳ 2016 - 2021, Kỳ họp thứ Mười hai thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. HĐND tỉnh (B/c);
- UBND tỉnh (B/c);
- TT Huyện uỷ (B/c);
- UBMTTQ huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Cổng TTĐT huyện;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỌA KỲ HỌP

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND HUYỆN
Đinh Thị Minh Hà

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2020, CHỈ TIÊU, KẾ HOẠCH NĂM 2021
 (Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /12/2020 của HĐND huyện Mang Yang)

| STT | CHỈ TIÊU | ĐVT | Năm 2020 | | Ước thực hiện năm 2020 | So sánh % TH/NQ | Kế hoạch 2021 | Ghi chú |
|-----|---|--------|----------|----------------------|------------------------|-----------------|---------------|-----------|
| | | | NQ HĐND | Thực hiện 30/11/2020 | | | | |
| A | B | C | 1 | 2 | 3=2/1 | 5 | 6 | |
| I | Các chỉ tiêu kinh tế | | | | | | | |
| 1 | Tốc độ tăng trưởng GTSX bq | % | 18,88 | 18,48 | 18,48 | 97,9 | 8,71 | Không đạt |
| | + Nông - lâm nghiệp | % | 14,89 | 13,92 | 13,92 | 93,5 | 6,70 | |
| | + Công nghiệp - Xây dựng | % | 27,49 | 27,49 | 27,49 | 100,0 | 6,17 | |
| | + Dịch vụ | % | 15,70 | 15,70 | 15,70 | 100,0 | 14,60 | |
| 2 | Cơ cấu kinh tế | % | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,0 | 100,0 | Đạt |
| | + Nông - lâm nghiệp | % | 43,03 | 43,15 | 42,71 | 99,2 | 41,84 | |
| | + Công nghiệp - Xây dựng | % | 32,70 | 32,78 | 32,89 | 100,6 | 32,10 | |
| | + Dịch vụ | % | 24,27 | 24,07 | 24,41 | 100,6 | 26,05 | |
| 3 | Tổng thu NSNN trên địa bàn: | Tr.đ | 29.500 | 33.200 | 35.890 | 121,7 | 23.500 | Vượt |
| | - Thu cân đối ngân sách | Tr.đ | 16.580 | 13.892 | 15.460 | 93,2 | 15.510 | Không đạt |
| | - Thu tiền sử dụng đất | Tr.đ | 10.530 | 12.015 | 12.500 | 118,7 | 8,00 | Vượt |
| | Trồng trọt | | | | | | | |
| | Tổng sản lượng lương thực có hạt | Tấn | 18.714,0 | 18.128,3 | 18.759,0 | 100,2 | 18.782,5 | Vượt |
| | Tổng DT cây trồng | Ha | 24.210,0 | 23.384,9 | 24.210,9 | 100,0 | 24.245,6 | Vượt |
| | Lúa cả năm: | Ha | 4.285 | 4.206,1 | 4.302,0 | 100,4 | 4.205 | Vượt |
| 4 | Lúa Đông - Xuân | Ha | 1.055 | 1.051,0 | 1.051,0 | 99,6 | 1.055 | Không đạt |
| | Diện tích cây cà phê | Ha | 4.387,0 | 4.494,6 | 4.494,6 | 102,5 | 4.494,5 | Vượt |
| | Diện tích cà phê tái canh | Ha | 30 | 82,9 | 82,9 | 276,3 | 30 | Vượt |
| | Diện tích cây hồ tiêu | Ha | 1.850 | 1.739,2 | 1.739,2 | 94,0 | 1.739 | Không đạt |
| | Diện tích cây cao su | Ha | 872 | 805,5 | 805,5 | 92,4 | 805,5 | Không đạt |
| 5 | Chăn nuôi | | | | | | | |
| | Tổng đàn bò | Con | 25.000 | 23.838,0 | 23.838,0 | 95,4 | 25.500 | Không đạt |
| | Tổng đàn heo | Con | 30.000 | 21.000,0 | 21.000,0 | 70,0 | 23.000 | Không đạt |
| 6 | Độ che phủ rừng (Theo NQ 100) | % | 47,30 | 49,2 | 49,2 | 104,0 | 49,80 | Vượt |
| | Độ che phủ rừng (kể cả cây cao su, cây bời lời) | % | 50,50 | 50,50 | 50,5 | 100,0 | 50,65 | Vượt |
| | Diện tích trồng rừng tập trung | Ha | 80 | 83,65 | 84,72 | 105,9 | 100 | Vượt |
| 7 | Xây dựng cảnh đồng lớn (chuỗi giá trị) | C.đồng | 4 | 3 | 3 | 75,0 | | Không đạt |
| 8 | Thành lập mới HTX | HTX | 3 | 4 | 4 | 133,3 | 4 | Vượt |
| 9 | Thành lập Doanh nghiệp | DN | 5 | 23 | 23 | 460,0 | | Vượt |
| 10 | Xây dựng nông thôn mới | | | | | | | |
| | Bình quân tiêu chí đạt/ xã | T.Chí | 13,5 | 12,40 | 12,40 | 91,9 | | Không đạt |
| | Làng Nông thôn mới | Làng | 2 | 0 | 2 | 100,0 | 3 | Đạt |
| II | Các chỉ tiêu xã hội | | | | | | | |
| 1 | Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên | % | 1,55 | 1,5 | 1,5 | 96,8 | 1,45 | Vượt |
| 2 | Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân | % | 4,5 | 3,82 | 3,82 | 84,9 | 2,0 | Không đạt |
| 3 | Giảm tỷ lệ hộ nghèo là ĐBDTTs | % | 7,0 | 5,90 | 5,90 | 84,3 | | Không đạt |
| 4 | Tỷ lệ lao động qua đào tạo | % | 29,6 | 30,15 | 30,75 | 103,9 | 31,8 | Vượt |
| 5 | Tỷ lệ hộ dùng điện | % | 99 | 99,5 | 99,5 | 100,5 | 100 | Vượt |
| 6 | Tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh | % | 97 | 97,8 | 97,8 | 100,8 | 98 | Vượt |
| 7 | Số xã đạt Tiêu chí QG về y tế công nhận mới | Xã | 2 | 0 | 1 | 50,0 | 1 | Không đạt |
| 8 | Số Bác sĩ/1 vạn dân | Bs/1vd | 4 | 3,3 | 3,3 | 82,5 | 4 | Không đạt |
| 9 | Tỷ lệ người dân tham gia BHYT | % | 91,05 | 90,02 | 90,02 | 98,9 | 91,05 | Không đạt |
| 10 | Huy động trẻ em 5 tuổi đến lớp | % | 100,0 | 100 | 100 | 100,0 | 100,0 | Đạt |
| 11 | Số trường đạt chuẩn quốc gia (xây dựng mới) | Trường | 3 | 1 | 4 | 133,3 | 1 | Vượt |